



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

23

Tháng 12 - 2011

Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn kỷ niệm 55 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Nhất

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2011



Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan trao tặng Huân chương Độc Lập hạng Nhất cho Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn



Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho ông Ngô Trung Hải - Viện trưởng Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI HAI

23

SỐ 23 - 12/2011

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 2082/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 5
phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Nam Nghệ An -
Bắc Hà Tĩnh đến năm 2025
- Quyết định số 2093/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 7
về việc giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012
đối với một số tổ chức kinh tế
- Quyết định số 2127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 8
phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm
2020 và tầm nhìn đến năm 2030
- Thông tư số 14/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng 9
quy định về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức
chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư
- Quyết định số 986/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng 10
ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình
đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011-2020

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân 11
dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về quản lý, sử
dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
- Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân 13
dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về việc cấp
giấy phép xây dựng tạm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên
Huế



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo Sản phẩm mới - công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường của ngành xây dựng và bất động sản trong hội nhập và phát triển 15
- Hội nghị thẩm định, phê duyệt và ban hành các bộ tài liệu Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng cho công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường xã 17
- Vật liệu cách âm cách nhiệt tại Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2011 18
- Vật liệu sơn có tính năng chịu nhiệt cao 21
- Vật liệu xây dựng trên cơ sở polypropylen thứ phẩm 23
- Xây dựng nhà ở tại Nga - Thực trạng và triển vọng 25

Thông tin

- Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan dự Lễ Kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn - Bộ Xây dựng 29
- Ban chỉ đạo Chương trình Nước và vệ sinh các thị trấn Việt Nam họp phiên thứ 7 30
- Hội nghị triển khai Chương trình thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành cấp nước Việt Nam năm 2011 - 2012 32
- Hội nghị các bên liên quan Diễn đàn Đô thị Việt Nam (VUF): “Thảo luận về Đô thị Việt Nam Ứng phó với biến đổi khí hậu (UCR) – Phiên trụ bị Hội nghị Cộng đồng hành động năm 2012” 34
- Bí quyết thi công các công trình bê tông phức tạp 35
- Yêu cầu cơ bản của đô thị sinh thái ít ô nhiễm và con đường phát triển 37
- Quan điểm về tiết kiệm nước của Chính quyền thành phố Thượng Đức, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc 41
- Nghiên cứu so sánh ba mô hình quản lý chi phí xây dựng công trình 43



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 2082/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh đến năm 2025

Ngày 21/11/2011, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2082/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh đến năm 2025.

Theo Quy hoạch, Vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh bao gồm các huyện, thành phố, thị xã phía Nam của tỉnh Nghệ An (thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, các huyện: Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương), các huyện, thị xã phía Bắc của tỉnh Hà Tĩnh (thị xã Hồng Lĩnh, các huyện: Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn). Tổng diện tích tự nhiên của vùng khoảng 3.648km².

Về tính chất, Vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh là vùng kinh tế tổng hợp đóng vai trò động lực của khu vực Bắc Trung Bộ với các ngành kinh tế chủ đạo phát triển của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, có vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng và quốc gia; là đầu mối giao thương hàng hóa và dịch vụ của vùng Bắc Trung Bộ, cửa ngõ kết nối với thị trường quốc tế trong khu vực; là vùng có nhiều di tích lịch sử văn hóa gắn liền với các danh nhân văn hóa quốc gia và quốc tế, các cảnh quan thiên nhiên đặc sắc cần được bảo tồn, tôn tạo và khai thác phục vụ du lịch nhân văn và phát triển kinh tế xã hội của vùng.

Dự báo đến năm 2015, dân số toàn vùng khoảng 1.506.900 người, trong đó dân số đô thị khoảng 602.700 người; đến năm 2025 dân số toàn vùng khoảng 1.748.800 người, dân số đô thị là 1.049.500 người.

Theo quy hoạch, phân vùng phát triển và trục kinh tế động lực chính của Vùng bao gồm: Vùng đồng bằng ven biển: là khu vực có vị

trí địa lý và địa chính quan trọng phục vụ phát triển kinh tế của Vùng bao gồm thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, các huyện Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn thuộc tỉnh Nghệ An và thị xã Hồng Lĩnh, các huyện Nghi Xuân, Đức Thọ thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Tại khu vực này chủ yếu phát triển các ngành kinh tế như công nghiệp vật liệu và sản xuất hàng tiêu dùng, mở rộng nâng công suất các cảng biển hiện có, khai thác tài nguyên về du lịch biển và du lịch tâm linh, hình thành các vùng ngư nghiệp, khai thác và chế biến thủy hải sản.

Vùng trung du miền núi bao gồm huyện Thanh Chương thuộc tỉnh Nghệ An, huyện Hương Sơn thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Trọng tâm của vùng này là khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo và các đô thị Thanh Thủy, Phố Châu, Chợ Cồn, Chợ Rộ, Tây Sơn... Khu vực này sẽ lấy công nghiệp khai khoáng, dịch vụ thương mại du lịch làm động lực phát triển.

Các trục kinh tế theo hướng Bắc Nam: Quốc lộ 1A gắn kết các đô thị động lực gồm thành phố Vinh, Xuân An, Hồng Lĩnh, Nam Cẩm, Quán Hành; đường ven biển gắn kết các đô thị động lực gồm Cửa Lò, Xuân Thành, Cương Gián; đường Hồ Chí Minh gắn kết các đô thị động lực gồm Hạnh Lâm, Hoa Quân, Thanh Thủy, Thanh Mai, Phố Châu.

Các trục kinh tế theo hướng Đông Tây: Quốc lộ 46 nối thành phố Vinh với Thanh Thủy, gắn kết các đô thị động lực Hưng Nguyên, Nam Đàn, Kim Liên, Chợ, Chợ Rộ; quốc lộ 8 nối đô thị Hồng Lĩnh với cửa khẩu Cầu Treo, gắn kết các đô thị động lực gồm Đức Thọ, Phố Châu, Tây Sơn, Đức Lâm, Nậm.

Hệ thống đô thị Nam Nghệ An gồm thành phố Vinh là đô thị loại I, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Nghệ An; thị xã Cửa Lò là đô thị loại III, là đô thị du lịch biển phát triển theo hướng sáp nhập vào thành phố Vinh; huyện Nghi Lộc gồm các đô thị loại V là Quán Hành (trung tâm hành chính của huyện), Chợ Thượng, Mai Trang; huyện Hưng Nguyên bao gồm các đô thị loại V là Hưng Nguyên, Hưng Phúc, Hưng Xá; huyện Nam Đàn gồm đô thị Nam Đàn - loại IV, các đô thị loại V là Nam Trung và Nam Giang; huyện Thanh Chương gồm đô thị loại IV - Thanh Thủy và các đô thị loại V - thị trấn Dừng (trung tâm hành chính của huyện), Chợ Chùa, Rộ.

Hệ thống đô thị Bắc Hà Tĩnh gồm Thị xã Hồng Lĩnh là đô thị loại IV được nâng cấp đạt chuẩn đô thị loại III vào năm 2015. Huyện Nghi Xuân gồm các đô thị loại V là Nghi Xuân, Xuân Thành, Cương Gián và Xuân An là đô thị loại IV; trong đó thị trấn Nghi Xuân là trung tâm hành chính của huyện. Huyện Đức Thọ gồm các đô thị: Đô thị loại IV Đức Thọ, các đô thị loại V là Lạc Thiện, Tam Đồng, Đức Đồng. Huyện Hương Sơn gồm đô thị loại IV Hương Sơn, các đô thị loại V: Nấm, Tây Sơn, Nước Sốt.

Về định hướng tổ chức hệ thống dân cư nông thôn, được bố trí trên cơ sở các định hướng về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế toàn vùng cũng như hiện trạng phân bố dân cư. Các điểm dân cư nông thôn được kết nối giao thông với các tuyến đường liên xã, liên vùng đáp ứng yêu cầu sinh sống và sản xuất của người dân theo đúng tiêu chí nông thôn mới.

Xây dựng tại thành phố Vinh một bệnh viện đa khoa cấp vùng có quy mô 1.000 giường và các bệnh viện về nhi và sản phục vụ cho khu vực phía Bắc miền Trung có quy mô 1.500 giường, một bệnh viện y học cổ truyền và bệnh viện giao thông có tổng diện tích 10 ha với 800 giường. Hệ thống các trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng được đặt tại thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò và thị xã Hồng Lĩnh. Xây dựng và

phát triển trung tâm đào tạo khoa học, dạy nghề cho khu vực Bắc miền Trung tại thành phố Vinh. Toàn vùng có 8 trường đại học và cao đẳng đặt tại Vinh, Nghi Lộc, Nghi Xuân, Hồng Lĩnh với quy mô diện tích 129 ha và 5,95 vạn sinh viên; hệ thống các trường dạy nghề bố trí tại các trung tâm huyện với quy mô diện tích 15ha và 0,5 vạn sinh viên.

Theo Quy hoạch, vùng công nghiệp Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh sẽ ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp như chế biến thực phẩm, dệt may, gia công cơ khí, sản xuất hàng gia dụng cao cấp, lắp ráp và sản xuất các linh kiện điện tử và sản phẩm công nghệ cao... Các loại hình công nghiệp này chủ yếu được đầu tư tại các khu công nghiệp tập trung lớn như Nam Cẩm, Bắc Vinh, Hồng Lĩnh, Gia Lách, Đại Kim... và một số khu công nghiệp quy mô nhỏ khác.

Diện tích xây dựng công nghiệp tại khu vực phía Nam Nghệ An khoảng 1.251 ha; khu vực phía Bắc Hà Tĩnh khoảng 985 ha; tổng diện tích xây dựng công nghiệp trong vùng đạt khoảng 2.236 ha.

Về tổ chức hệ thống du lịch vùng, không gian du lịch được bố trí trên cơ sở khai thác tiềm năng tài nguyên sẵn có, chú trọng bảo vệ môi trường, cảnh quan với các không gian du lịch như vùng du lịch biển đảo gắn với các khu vực ven biển (Nghi Lộc, Cửa Lò, Xuân Thành...) với các loại hình du lịch từ đơn giản đến cao cấp, du lịch mạo hiểm; Vùng du lịch sinh thái cung cấp các sản phẩm du lịch gắn liền với hệ thống các hồ và sông lớn (sông Lam, sông La, sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố, các hồ như Rào Bàng, Đá Bạc, Khe Gỗ; các khu vực phát triển du lịch văn hoá tâm linh như di tích và các địa danh lịch sử gắn với các danh nhân văn hoá tại các địa phương như: Thành phố Vinh, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn...

Về quy hoạch giao thông, sẽ nâng cấp, mở mới một số tuyến đường như tuyến đường bộ ven biển đi qua các huyện Nghi Lộc, thị xã Cửa

Lò, huyện Nghi Xuân; đường quốc lộ 1A; đường bộ cao tốc Bắc Nam; đường quốc lộ 15A;...

Bên cạnh đó, nâng cấp các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn đường cấp III - cấp IV. Đến 2015, 100% các xã có đường giao thông đến trung tâm, tỷ lệ rải mặt 40-50%, đến năm 2025 hầu hết các tuyến đạt tiêu chuẩn đường nông thôn mới, tỷ lệ rải mặt đạt 80%.

Từng bước xây dựng đường từ trung tâm xã tới trung tâm thôn, bản ở các huyện vùng núi cao (5 huyện). Tỷ lệ nhựa hoá hoặc bê tông hoá đường xã ở các huyện vùng núi cao đến năm 2015 đạt 15%, đến năm 2020 đạt 20%.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 2093/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012 đối với một số tổ chức kinh tế

Ngày 23/11/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2093/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012 đối với một số tổ chức kinh tế.

Theo đó, giảm 50% tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012 cho các tổ chức kinh tế đang hoạt động trong các ngành sản xuất (không bao gồm các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ) đang thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm mà trong năm 2011 và năm 2012 phải xác định đơn giá thuê đất theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm: Tổ chức kinh tế đến thời hạn xác định lại đơn giá thuê đất cho thời kỳ ổn định mới; Tổ chức kinh tế hết thời gian được miễn tiền thuê đất mà đến thời hạn phải xác định tiền thuê đất phải nộp; Tổ chức kinh tế đã sử dụng đất trước ngày 01/3/2011 đang được tạm nộp tiền thuê đất mà từ ngày 01/3/2011 phải xác định chính thức số tiền thuê đất phải nộp.

Tiền thuê đất sau khi được giảm theo quy định tại Quyết định này không thấp hơn tiền thuê đất phải nộp năm 2010. Trường hợp tiền thuê đất sau khi được giảm vẫn lớn hơn 2 lần so với tiền thuê đất phải nộp của năm 2010 thì tổ chức kinh tế được giảm tiếp tiền thuê đất của năm 2011, năm 2012 đến mức bằng 2 lần tiền thuê đất phải nộp của năm 2010.

Để được giảm tiền thuê đất, tổ chức kinh tế thuộc đối tượng được giảm phải sử dụng đất

thuê đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật đất đai; có số tiền thuê đất xác định lại theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP của Chính phủ tăng từ 2 lần trở lên so với tiền thuê đất phải nộp năm 2010 (với cùng mục đích sử dụng đất thuê và diện tích tính thu tiền thuê đất).

Trong thời gian được cấp có thẩm quyền xem xét việc giảm tiền thuê đất, các tổ chức kinh tế thuộc đối tượng quy định được tạm nộp tiền thuê đất theo mức đã nộp năm 2010; sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định giảm tiền thuê đất sẽ nộp số còn thiếu (nếu có) theo quy định và không bị phạt chậm nộp đối với số còn thiếu. Trường hợp không được cơ quan có thẩm quyền quyết định giảm tiền thuê đất thì tiếp tục nộp số còn thiếu theo quy định nhưng cũng không bị phạt chậm nộp đối với số còn thiếu.

Đối với những tổ chức kinh tế đang hoạt động trong các ngành sản xuất đã có hợp đồng thuê đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật về thu tiền thuê đất, nếu trong hợp đồng đã quy định cụ thể tiền thuê đất phải nộp hàng năm thì doanh nghiệp tiếp tục thực hiện theo hợp đồng thuê đất đã ký.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 2127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

Ngày 30/11/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2127/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 thể hiện quan điểm phát triển nhà ở là trách nhiệm của Nhà nước, của xã hội và của người dân; phát triển nhà ở là một trong những nội dung quan trọng của chính sách phát triển kinh tế - xã hội; phát triển nhà ở tại các địa phương phải phù hợp với chương trình phát triển nhà ở trong từng giai đoạn của địa phương, phải tuân thủ pháp luật về nhà ở, quy hoạch, kế hoạch do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; phát triển nhà ở trên cơ sở sử dụng tiết kiệm các nguồn lực, đặc biệt là tài nguyên đất đai; tăng cường công tác quản lý xây dựng nhà ở; chú trọng phát triển nhà chung cư, nhà ở để cho thuê, kể cả khu vực nhà nước và tư nhân; phát triển nhà ở phải đảm bảo an toàn và đáp ứng các điều kiện về chất lượng xây dựng, kiến trúc, cảnh quan, tiện nghi và môi trường; đủ khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, thảm họa thiên tai, sử dụng tiết kiệm năng lượng theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Theo mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, tỉ lệ nhà ở kiên cố toàn quốc đạt khoảng 62%, tỉ lệ nhà ở chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại Hà Nội và TPHCM đạt trên 80%, đô thị từ loại I đến loại II đạt trên 50%, đô thị loại III đạt trên 30%... Diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 22m² sàn/người. Tỉ trọng nhà ở chung cư tăng và đẩy mạnh nhà ở cho thuê tại các khu vực đô thị,

phần đầu xây dựng mới nhà ở mỗi năm khoảng 100 triệu mét vuông sàn, trong đó tối thiểu dành 20% cho các đối tượng chính sách xã hội, người có thu nhập thấp.

Chiến lược cũng đặt mục tiêu đến 2015 đáp ứng cho khoảng 60% số sinh viên, học sinh các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và 50% công nhân lao động tại các khu công nghiệp có nhu cầu về chỗ ở; hoàn thành việc hỗ trợ cho khoảng 400.000 hộ gia đình (theo chuẩn nghèo mới) tại khu vực nông thôn cải thiện nhà ở.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, phần đầu thực hiện đầu tư xây dựng tối thiểu khoảng 12,5 triệu mét vuông nhà ở xã hội; đáp ứng nhu cầu cho khoảng 80% sinh viên, học sinh và khoảng 70% công nhân lao động tại các khu công nghiệp có nhu cầu được giải quyết chỗ ở...

Mục tiêu đến năm 2020, diện tích nhà ở bình quân toàn quốc tăng lên khoảng 25m² sàn/người, phần đầu đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở tối thiểu 8m² sàn/người, tỉ lệ nhà ở kiên cố toàn quốc đạt khoảng 70%, xoá hết nhà ở đơn sơ trên phạm vi toàn quốc. Đến năm 2030, phần đầu đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân toàn quốc khoảng 30m² sàn/người, diện tích nhà ở tối thiểu 12m² sàn/người.

Để đạt được những mục tiêu trên, Nhà nước tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở thương mại để bán, cho thuê, cho thuê mua theo cơ chế thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng có khả năng chi trả. Đồng thời, Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở để giải quyết cho các nhóm đối tượng chính sách xã hội gặp khó khăn về nhà ở nhưng không đủ khả năng thanh toán theo cơ chế thị trường, gồm: Người có công với cách mạng, các hộ nghèo ở

nông thôn, người có thu nhập thấp ở đô thị, cán bộ, công chức, viên chức, trí thức, văn nghệ sĩ, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân lao động, sinh viên, học sinh và các đối tượng chính sách xã hội đặc biệt khó khăn như người tàn tật, người già cô đơn, người nhiễm chất độc da cam...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 76/2004/QĐ-TTg ngày 06/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt định hướng phát triển nhà ở đến năm 2020.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Thông tư số 14/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư

Ngày 25/11/2011, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 14/2011/TT-BXD quy định về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư.

Thông tư này quy định, các đối tượng phải tham gia khóa đào tạo là các thành viên Ban giám đốc doanh nghiệp quản lý vận hành nhà chung cư, Tổ trưởng các tổ kỹ thuật, bảo vệ, an toàn phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, Trưởng ca vận hành nhà chung cư; Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư.

Mục đích của việc đào tạo là giúp cho học viên có đủ điều kiện năng lực khi tham gia quản lý vận hành nhà chung cư; cung cấp kiến thức pháp luật và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ; phương pháp, kỹ năng và kinh nghiệm thực tế để tham gia quản lý vận hành nhà chung cư.

Theo Thông tư này, tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo) phải đáp ứng các điều kiện: Có chức năng đào tạo, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; Đảm bảo các phòng học có quy mô và tiện nghi phù hợp với số lượng học viên và các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập; Có số lượng giảng viên được cơ sở đào tạo trả lương và đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu bằng

40% trên tổng số giảng viên tham gia khóa đào tạo, đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư này; Có tài liệu giảng dạy được biên soạn phù hợp với Chương trình khung theo quy định; Có bộ máy quản lý đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư; có quy trình quản lý chất lượng đào tạo và có người phụ trách khóa đào tạo; Lập hồ sơ đăng ký theo quy định tại Thông tư này và được Bộ Xây dựng quyết định công nhận đủ điều kiện tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư.

Chương trình đào tạo gồm 02 phần. Phần kiến thức cơ sở có thời lượng 16 tiết, gồm 02 bài giảng về kiến thức cơ bản về pháp luật đất đai, xây dựng, nhà ở và kinh doanh bất động sản và pháp luật liên quan (08 tiết); Kiến thức pháp luật về quản lý chất lượng, quản lý vận hành nhà chung cư (08 tiết). Phần kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư có thời lượng 44 tiết, gồm 05 chuyên đề: Quản lý vận hành, bảo hành, bảo trì nhà và hệ thống cấp điện, cấp và thoát nước trong và ngoài nhà chung cư (08 tiết); Quản lý vận hành, bảo hành, bảo trì hệ thống thông gió - cấp nhiệt trong nhà chung cư (08 tiết); Quản lý vận hành, bảo hành, bảo trì thang máy trong nhà chung cư (08 tiết); Quản lý vận hành, bảo hành, bảo trì hệ thống thiết bị phòng cháy và chữa cháy (PCCC); về

an toàn PCCC; về bảo vệ, cứu nạn, cứu hộ và ứng phó với thiên tai trong nhà chung cư (16 tiết); Quản lý vệ sinh, môi trường, cảnh quan của nhà chung cư (04 tiết).

Thông tư này quy định, Cơ sở đào tạo tổ chức khóa đào tạo có trách nhiệm thông báo tuyển sinh, yêu cầu đối với học viên, chương trình, nội dung khóa đào tạo, thời gian, địa điểm, kinh phí và các thông tin cần thiết khác; Trong vòng 07 ngày trước khi khai giảng khóa đào tạo, cơ sở đào tạo phải báo cáo Sở Xây dựng nơi dự kiến tổ chức khóa đào tạo về thời gian, địa điểm tổ chức khóa đào tạo; thời khóa biểu, danh sách học viên; danh sách và thông tin đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy; chương trình, nội dung khóa đào tạo. Trường hợp có sự thay đổi, cơ sở đào tạo phải thông báo kịp thời về Sở Xây dựng nơi dự kiến tổ chức khóa đào tạo; Phổ biến nội quy, quy định của khóa đào tạo, cung cấp đầy đủ tài liệu cho học viên; tổ chức giảng dạy và học tập đảm bảo nội dung và thời gian quy định; đảm bảo giảng viên lên lớp đúng như danh sách đã đăng ký, kiểm soát thời gian học của học viên; Tổ chức kiểm tra lý thuyết, thực hành cuối khóa đào tạo và đánh giá, xếp loại kết quả học tập để cấp giấy chứng nhận cho học viên; bố trí giáo viên chủ nhiệm của từng khóa đào tạo, chấm điểm bài kiểm tra lý thuyết của học viên trên cơ sở đáp án của giáo viên về chuyên môn, kỹ thuật tương ứng với chuyên đề đã giảng; Gửi quyết định cấp giấy chứng nhận, danh sách học viên được cấp

giấy chứng nhận về Sở Xây dựng và Bộ Xây dựng; lấy ý kiến đóng góp của học viên về khóa đào tạo.

Các khóa đào tạo phải tổ chức tập trung, đảm bảo thời gian và nội dung của Chương trình khung quy định tại Chương III của Thông tư này. Khuyến khích các cơ sở đào tạo mở rộng nội dung chuyên đề và bổ sung các chuyên đề nâng cao khác cho khóa học (như kinh nghiệm nước ngoài; phần mềm quản lý, tổ chức bộ máy, quản lý nhân sự, quản lý kinh phí vận hành; văn hóa ứng xử và giải quyết các trường hợp có liên quan đến quản lý vận hành nhà chung cư...).

Người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả học tập và xét cấp giấy chứng nhận, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng để điều hành công tác tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả kiểm tra, xếp loại cuối khóa và xét cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo cho học viên.

Học viên tham gia khóa đào tạo đảm bảo thời gian quy định và có kết quả học tập được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên được cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo. Cơ sở đào tạo phải có sổ theo dõi, quản lý việc cấp giấy chứng nhận của đơn vị mình.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/01/ 2012.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Quyết định số 986/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011-2020

Ngày 17/11/2011, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 986/QĐ-BXD ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011-2020. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Theo đó, đến trước 31/12/2011, Cục Hạ

tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện đơn đốc, hướng dẫn các địa phương lập quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn toàn tỉnh theo hướng dẫn tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; Yêu cầu các địa phương đã lập, phê duyệt quy

hoạch quản lý chất thải rắn trước năm 2009 cần rà soát lại nội dung quy hoạch cho phù hợp với mục tiêu của Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 và mục tiêu của Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 25/5/2011.

Trước ngày 30/10 hàng năm, bắt đầu từ năm 2012 đến năm 2019, Cục Hạ tầng kỹ thuật chủ trì việc tổng hợp nhu cầu và lập danh mục dự án đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn hàng năm và 5 năm; xây dựng tiêu chí lựa chọn các dự án vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam; lập danh mục các dự án hàng năm vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Đến trước 31/12/2011, Viện Kinh tế xây dựng chủ trì, phối hợp với Vụ Kinh tế xây dựng, Cục Hạ tầng kỹ thuật hướng dẫn phương pháp lập và quản lý chi phí đầu tư, chi phí xử lý chất thải rắn: nghiên cứu, công bố suất đầu tư cho một số loại công nghệ xử lý chất thải rắn để các địa phương tham khảo; nghiên cứu, công bố chi phí xử lý chất thải rắn theo công nghệ xử lý.

Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường đến trước 31/3/2012 hoàn thành việc tổng hợp,

đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn được nghiên cứu, phát triển trong nước đã được cấp Giấy chứng nhận và các công nghệ mới đang được nghiên cứu, triển khai áp dụng; lựa chọn, hướng dẫn áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp với các vùng, miền. Đến trước 30/6/2012 tiến hành rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan về chất thải rắn, nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn thiết kế các thiết bị thu gom, vận chuyển rác.

Cục Hạ tầng kỹ thuật đô thị chủ trì rà soát, đánh giá thực trạng quản lý, vận hành và bảo vệ môi trường của các bãi chôn lấp rác thải ở các đô thị hiện nay; chỉ đạo triển khai đầu tư xây dựng thí điểm các dự án xử lý chất thải rắn. Đến trước 31/12/2011, thực hiện xây dựng tiêu chí lựa chọn các dự án đầu tư thí điểm (yêu cầu về công nghệ, chi phí đầu tư...); lập danh mục các dự án đầu tư thí điểm áp dụng công nghệ trong nước; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế ưu đãi tài chính đối với các dự án thí điểm trình Thủ tướng Chính phủ; làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam về kế hoạch bố trí vốn thực hiện các dự án thí điểm.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Ngày 14/11/2011, UBND tỉnh Kiên Giang đã có Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Theo đó, Quy định này áp dụng đối với tất

cả các loại nhà chung cư (nhà chung cư có nhiều chủ sở hữu; nhà chung cư độc lập và cụm nhà chung cư) và nhà nhiều tầng có mục đích sử dụng hỗn hợp mà có phần diện tích là nhà ở.

Quy định này nghiêm cấm các hành vi coi nới, chiếm dụng diện tích, không gian hoặc làm

hư hỏng tài sản thuộc phần sở hữu chung hoặc phần sử dụng chung dưới mọi hình thức; đục phá, cải tạo, tháo dỡ hoặc làm thay đổi phần kết cấu chịu lực, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị sử dụng chung, kiến trúc bên ngoài của nhà chung cư; phân chia, chuyển đổi phần sở hữu chung hoặc phần sử dụng chung trái quy định; gây tiếng ồn quá mức quy định, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an nhà chung cư; xả rác thải, nước thải, khí thải, chất độc hại bừa bãi, gây thấm, dột, ô nhiễm môi trường, chần nuôi gia súc, gia cầm trong khu vực thuộc phần sở hữu chung hoặc phần sử dụng chung; quảng cáo, viết, vẽ trái quy định hoặc có hành vi khác mà pháp luật không cho phép, sử dụng vật liệu hoặc màu sắc trên mặt ngoài căn hộ, nhà chung cư trái với quy định; kinh doanh các ngành nghề và các loại hàng hóa dễ gây cháy, nổ, ô nhiễm môi trường...sử dụng không đúng mục đích kinh phí quản lý vận hành và kinh phí bảo trì nhà chung cư.

Doanh nghiệp hoặc đơn vị có chức năng thực hiện quản lý vận hành, bảo hành, bảo trì, phá dỡ, cải tạo và lưu trữ hồ sơ mọi loại nhà chung cư và nhà nhiều tầng có mục đích sử dụng hỗn hợp mà có phần diện tích là nhà ở thực hiện quản lý, vận hành hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị, cung cấp các dịch vụ cho nhà chung cư, bảo trì nhà chung cư và các công việc khác theo hợp đồng ký với Ban quản trị nhà chung cư. Việc bảo hành nhà chung cư bao gồm sửa chữa, khắc phục các hư hỏng về kết cấu của nhà (dầm, cột, sàn, trần, mái, tường, các phần ốp, lát, trát), các thiết bị gắn liền với nhà ở, hệ thống các loại cửa, hệ thống cung cấp chất đốt, các dây cáp điện sinh hoạt, cấp điện chiếu sáng, hệ thống cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải, khắc phục các trường hợp nghiêm, lún, sụt nhà ở.

Bảo trì nhà chung cư bao gồm việc duy tu, bảo dưỡng theo định kỳ và sửa chữa khi có hư hỏng nhằm duy trì chất lượng nhà ở.

Việc phá dỡ nhà chung cư được thực hiện

trong các trường hợp: Bị hư hỏng nghiêm trọng, xuống cấp có nguy cơ sụp đổ đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Thuộc diện giải tỏa để thu hồi đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Nhà hết niên hạn sử dụng; Thuộc diện phải phá dỡ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Trường hợp nhà chung cư có nhiều chủ sở hữu mà thực hiện phá dỡ theo yêu cầu của các chủ sở hữu để xây dựng lại thì phải được 2/3 tổng số chủ sở hữu nhà chung cư đó đồng ý. Số chủ sở hữu còn lại không đồng ý phá dỡ thì sẽ bị cưỡng chế di chuyển và phải chi trả các chi phí cho việc cưỡng chế phá dỡ nhà ở. Nhà nước có chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với trường hợp chủ sở hữu tự nguyện di chuyển đến nơi khác (không tái định cư tại chỗ) sau khi xây dựng lại nhà chung cư.

Nhà chung cư cũ chưa thuộc diện phải phá dỡ nhưng các chủ sở hữu có nhu cầu cải tạo, nâng cấp hoặc mở rộng thêm diện tích thì phải được 2/3 tổng số chủ sở hữu nhà chung cư đó đồng ý. Việc cải tạo nhà chung cư phải phù hợp với quy hoạch xây dựng và tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, được thực hiện theo nguyên tắc xã hội hóa, đảm bảo nơi mới tốt hơn nơi cũ về chất lượng nhà ở và môi trường sống.

Theo Quy định này, mọi nhà chung cư đều phải có Bản nội quy quản lý sử dụng nhà chung cư kể từ khi bàn giao đưa vào sử dụng.

Hội nghị nhà chung cư có thể tổ chức cho một nhà chung cư hoặc một cụm nhà chung cư. Trường hợp tổ chức Hội nghị cho một nhà chung cư thì số người tham dự phải có số lượng trên 50% tổng số các chủ sở hữu và người sử dụng chung cư. Trường hợp tổ chức hội nghị cho một cụm nhà chung cư thì mỗi nhà chung cư phải cử đại biểu tham dự, số lượng đại biểu tham dự của mỗi nhà chung cư phải có số lượng trên 10% số chủ sở hữu và người sử dụng của mỗi nhà chung cư đó.

Hội nghị nhà chung cư được tổ chức mỗi năm một lần, trong trường hợp cần thiết có thể tổ chức Hội nghị bất thường khi có trên 50% tổng số chủ sở hữu và người sử dụng đề nghị bằng văn bản hoặc khi Ban quản trị đề nghị; đồng thời có văn bản đề nghị của 30% chủ sở hữu và người sử dụng nhà chung cư.

Trong thời hạn không quá 12 tháng, kể từ ngày nhà chung cư được bàn giao đưa vào sử dụng và có trên 50% căn hộ được bán trở lên (kể cả số căn hộ mà chủ đầu tư giữ lại) thì chủ đầu tư tổ chức Hội nghị nhà chung cư lần đầu.

(Xem toàn văn tại: www.kiengiang.gov.vn)

Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về việc cấp giấy phép xây dựng tạm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày 01/11/2011, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về việc cấp giấy phép xây dựng tạm trên địa bàn tỉnh.

Quy định này điều chỉnh các hoạt động liên quan đến cấp giấy phép xây dựng tạm đối với khu vực đã có quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được duyệt và công bố (bao gồm: Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với khu vực đô thị; Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc tỷ lệ 1/2000 đối với khu vực ngoài đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn) nhưng không phù hợp với quy hoạch đó và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo Quy định này, đối tượng áp dụng bao gồm các chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ có nhu cầu xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở riêng lẻ nằm trong vùng đã có quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được duyệt và công bố nhưng chưa thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Mục đích của việc cấp giấy phép xây dựng tạm theo Quy định này nhằm tạo điều kiện cho

các chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trong vùng đã có quy hoạch được duyệt và công bố nhưng chưa thực hiện nhằm cải thiện điều kiện sống, làm việc của nhân dân, tránh lãng phí; Quản lý xây dựng theo quy định của pháp luật, bảo vệ cảnh quan kiến trúc, môi trường; làm căn cứ để kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về trật tự xây dựng.

Theo Quy định này, quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng tạm là dạng công trình bán kiên cố, tối đa là 2 tầng và tầng 2 không được đổ mái bằng bê tông cốt thép; tổng chiều cao công trình dưới 9m. Trường hợp công trình hiện tại đã là 2 tầng hoặc lớn hơn 2 tầng thì khi sửa chữa, cải tạo không được nâng thêm tầng.

Công trình được cấp giấy phép xây dựng tạm được tồn tại cho đến khi có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện quy hoạch. Chủ đầu tư phải tự phá dỡ toàn bộ công trình và được cấp giấy phép xây dựng tạm; trường hợp không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện cưỡng chế.

Trường hợp xác định được chính xác thời điểm thực hiện quy hoạch thì ghi rõ thời gian tồn tại của công trình trong giấy phép xây dựng tạm. Khi chưa hết thời hạn tồn tại của công trình xây dựng tạm, nếu Nhà nước chưa giải phóng

mặt bằng thì công trình được phép tồn tại cho đến khi Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện quy hoạch.

Theo Quy định này, các công trình xây dựng mới hoặc phần diện tích công trình xây dựng thêm theo giấy phép xây dựng tạm không được bồi thường hay hỗ trợ khi giải phóng mặt bằng. Việc đền bù, hỗ trợ chỉ thực hiện đối với phần diện tích hiện trạng công trình đã tồn tại trước

khi cấp giấy phép xây dựng tạm (nếu có); đồng thời, công trình tồn tại trước khi quy hoạch được công bố và không bị xử lý vi phạm và phần công trình được cấp phép xây dựng tạm nhưng có yêu cầu phải di chuyển trước thời hạn tồn tại (được nêu trong giấy phép xây dựng tạm).

**(Xem toàn văn tại:
www.thuathienhue.gov.vn)**



Hội thảo Sản phẩm mới - công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường của ngành xây dựng và bất động sản trong hội nhập và phát triển

Ngày 28/11/2011 tại Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam, trong khuôn khổ Triển lãm quốc tế VIETBUILD 2011 diễn ra tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Ban tổ chức Triển lãm quốc tế VIETBUILD 2011 tổ chức Hội thảo “Sản phẩm mới - công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường của ngành xây dựng và bất động sản trong hội nhập và phát triển” nhằm khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm mới và công nghệ cao đáp ứng nhu cầu của ngành xây dựng và bất động sản. GS.TS. Nguyễn Mạnh Kiểm - nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã đến dự Hội thảo.

Tham dự Hội thảo còn có Phó Chủ tịch Hiệp hội Bất động sản Việt Nam Tống Văn Nga, TS. Nguyễn Quang Cung - Phó Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam cùng đại diện nhiều cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp ngành Xây dựng.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe giới thiệu 9 loại sản phẩm, công nghệ tiên tiến của ngành xây dựng và bất động sản như các tính năng vượt trội của vữa khô MOVA, gạch cách âm, cách nhiệt - giải pháp chống nóng hiệu quả thân thiện môi trường trong xây dựng nhà cao tầng, tủ điện công nghệ cao Hawee, hệ thống tủ đa năng Flexi tối ưu hoá không gian, hệ thống ổ cắm điện Eubig hiện đại, an toàn dựa trên thanh ray dẫn điện (GSS system), hệ thống an ninh giám sát dành cho toà nhà, phần mềm trợ giúp công tác lập quy hoạch và thiết kế hạ tầng Intelinfra Suite.

Vữa khô Mova được sản xuất trên dây chuyền công nghệ xanh, hiện đại, khép kín và thân thiện môi trường của Cty CP bê tông và xây dựng A&P. Ngoài những tính năng như tăng độ bền uốn và chịu va đập do có thêm chất kết dính polyme và phụ gia đặc biệt, bền vững



Đoàn chủ tọa Hội thảo

trong môi trường khắc nghiệt, độ bám dính cao, khả năng chống thấm tốt, việc sử dụng vữa khô Mova sẽ giúp giảm hao phí vận chuyển, ổn định về tỷ lệ, chất lượng giữa các lần trộn, không gây ô nhiễm môi trường do vận chuyển, thời gian thi công nhanh hơn đặc biệt thích hợp với công trình xây dựng bên trong các ngõ, phố nhỏ,...

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu quá trình bức xạ nhiệt trong các công trình dân dụng và công nghiệp, Công ty Xuất nhập khẩu và đầu tư Cát Tường đưa ra dòng sản phẩm vật liệu cách âm, cách nhiệt có khả năng phản xạ 90% - 95% nhiệt bức xạ và hạn chế hấp thụ nhiệt bức xạ ở mức 5%. Sản phẩm được ứng dụng để chống nóng mái nhà công nghiệp và dân dụng, chống nóng tường, trần, sàn nhà vào mùa hè và chống mất nhiệt về mùa đông, đặc biệt Cty đã nghiên cứu và áp dụng thành công vật liệu trong giảm thiểu hiện tượng nồm ẩm cho công trình,...

Với phương châm đầu tư lớn, áp dụng công nghệ cao và đáp ứng nhiều loại nhu cầu khác nhau, Cty Hawee là một đơn vị sản xuất nhiều chủng loại tủ điện khác nhau với sản lượng cao trên cơ sở áp dụng nhiều công nghệ mới, tiên tiến. Tủ điện được giới thiệu tại Triển lãm gồm có tủ phân phối tổng sử dụng cho mạng điện hạ

thể (MSB), tủ phân phối điện lắp đặt trong các phòng kỹ thuật của tầng, của thiết bị (DB), tủ CP sử dụng cho việc điều khiển hoạt động của động cơ, tủ đặt ngoài trời, tủ RACK, tủ cứu hoả; các sản phẩm tủ điện đều đáp ứng tiêu chuẩn IEC/EN 61439-1.

Cty Flexi Cabinets lần đầu tiên giới thiệu tại Việt Nam hệ thống tủ đa năng với những tính năng ưu việt, sử dụng linh hoạt, kiểu dáng hiện đại, phong phú, sang trọng, là xu hướng thiết kế trang trí nội thất cho hiện tại và tương lai. Giải pháp đột phá của Flexi Cabinets là hệ khung tủ làm bằng các cấu kiện nhôm định hình công nghệ cao. Hiện tại Cty cung cấp 5 loại khung với các đặc tính chung là kết cấu chắc chắn, module đa dạng, phong phú và công năng sử dụng thuận tiện. Sự khác nhau ở cách lắp đặt và kiểu dáng của khung giúp mang lại hiệu quả thẩm mỹ và phù hợp với các không gian khác nhau như không gian sinh hoạt, bếp, phòng ngủ, phòng thay đồ, phòng làm việc, khách sạn hay văn phòng; tủ dễ thi công, vận chuyển, tháo lắp và thay đổi, có thể được điều chỉnh dễ dàng, linh hoạt.

Để khắc phục các nhược điểm của các loại ổ cắm điện đang được sử dụng hiện nay là sử dụng nhiều ổ cắm nhưng bố trí thiếu tính hệ thống, ổ cắm đặt sai vị trí gây bất tiện cho người sử dụng hoặc không đủ ổ cắm trong trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại thiết bị điện khác nhau,... Cty Eubig đã ứng dụng hệ thống thanh ray dẫn điện (GSS System) để chế tạo hệ thống ổ cắm điện hiện đại, an toàn và đặc biệt rất linh hoạt. Trên mỗi thanh ray có độ dài tùy chọn có thể gắn các loại ổ cắm khác nhau dành cho các loại thiết bị điện khác nhau; ổ cắm có thể dễ dàng được tháo ra khỏi thanh ray hoặc gắn thêm vào và có thể được bố trí sắp xếp lại để có vị trí thuận tiện cho người sử dụng. Hệ thống ổ cắm điện Eubig được sử dụng trong văn phòng, phòng họp, các công trình công nghiệp và dân dụng.

Ngoài các loại camera analogue đã được sử dụng phổ biến, Cty CP công nghệ và dịch vụ tin



Các đại biểu dự Hội thảo

học JVQ giới thiệu dòng camera IP (Network camera) và chuông báo động không dây. Camera IP có khả năng số hoá các hình ảnh thu được, nén dữ liệu, truyền dữ liệu đi xa thông qua mạng LAN hoặc Internet. Do vậy, người sử dụng có thể dùng máy tính kết nối với camera để quan sát và điều khiển ngay tại đó hoặc từ địa điểm cách xa hàng nghìn km. Khả năng số hoá tín hiệu đem lại những lợi ích như tiết kiệm chi phí, dễ mở rộng, cải tạo và nâng cấp hệ thống, nhận dạng mục tiêu và xử lý hình ảnh tốt hơn, tăng khoảng cách từ trung tâm đến mục tiêu cần quan sát, dễ dàng kết hợp với các hệ thống khác, camera thế hệ mới dùng chuẩn MPEG-4 cho chất lượng hình ảnh tốt, giảm dung lượng lưu trữ, camera IP còn được hỗ trợ chức năng cấp nguồn qua mạng (do đó không cần nguồn),... Hệ thống chuông báo động không dây bao gồm các loại cảm biến (sensor) hồng ngoại, cảm biến từ, các đầu báo khói HG-118, báo rò ga, nút khẩn cấp, điều khiển từ xa - là một kiểu cảm biến dùng để bật - tắt hệ thống, tích ứng cả chế độ báo khẩn cấp, tiện lợi cho việc sử dụng với khoảng cách lên đến 40 mét, chuông mini tạo cảnh báo ngăn chặn xâm nhập.

Cty CP Tư vấn xây dựng Thành Nam đã nghiên cứu và phát triển phần mềm trợ giúp thiết kế hạ tầng Intelinfra Suite. Đây là phần mở rộng cho phần mềm trợ giúp thiết kế phổ biến, linh hoạt và có các công cụ xây dựng bản vẽ nổi tiếng trên thị trường là AutoCad do đó phần mềm Intelinfra Suite kế thừa công cụ dựng hình

và cơ chế quản lý xuất sắc của AutoCad. Kết hợp với các công cụ xây dựng và quản lý đơn giản và nhất quán của mình, chương trình cho phép người sử dụng xây dựng, điều chỉnh, quản lý bản vẽ hạ tầng một cách nhanh chóng và dễ dàng. Được phát triển bởi người Việt Nam nên tư duy và ngôn ngữ sử dụng rất gần gũi với các kỹ sư trong nước, giảm thời gian đào tạo cho người sử dụng. Việc nhập và điều chỉnh dữ liệu dễ dàng, nhất quán, có quy trình kiểm tra dữ liệu để hạn chế sai sót số học và hình học giúp người làm có thể tự điều chỉnh ngay các sai sót.

Phần mềm được phát triển trên mô hình lập trình ObjectArx và được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình Visual C++ cùng với công cụ lập trình Visual Studio 2005 của hãng Microsoft.

Hiện nay các chức năng cơ bản của chương trình là lập bản vẽ cấp thoát nước, cấp điện và bản vẽ quy hoạch sử dụng đất.

Trong thời gian qua, Cty Thành Nam đã áp dụng phần mềm trong quy hoạch và thiết kế hạ

tầng cho 26 dự án khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu biệt thự cao cấp, khu nhà ở và khu dân cư dịch vụ của khu công nghiệp,...

Từ khi đưa phần mềm vào sử dụng, khả năng thực hiện hợp đồng của Cty tăng rõ rệt, khối lượng công việc thực hiện đã tăng lên rất nhiều, năng suất lao động có thể tăng 2-3 lần.

Các sản phẩm và công nghệ được giới thiệu tại Hội thảo đã được nghiên cứu để giải quyết những vấn đề mới, bức xúc của ngành xây dựng và bất động sản, nâng cao hiệu quả kinh tế, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng. Thông qua giới thiệu các sản phẩm mới và công nghệ mới tại Hội thảo, các doanh nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản lý, các nhà sản xuất và các khách hàng hiểu sâu hơn về các sản phẩm mới và công nghệ mới đang được giới thiệu tại Triển lãm.

Huỳnh Phước

Hội nghị thẩm định, phê duyệt và ban hành các Bộ tài liệu Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng cho công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường xã

Ngày 13/12/2011 tại cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định các Bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng QLNN về lĩnh vực xây dựng cho công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường xã. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn - Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì Hội nghị.

Tại Hội nghị, PGS.TS. Phạm Trọng Mạnh, Giám đốc Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, Bộ Xây dựng (AMC)- đơn vị soạn thảo tài liệu - đã trình bày sự cần thiết, mục tiêu và tóm tắt nội dung của bộ tài liệu.

Theo PGS. TS. Phạm Trọng Mạnh, nông nghiệp - nông thôn và người nông dân có vị trí chiến lược trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Năm vững xu thế này,



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị

Đảng và Nhà nước đã rất chú trọng đến việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý cho cán bộ các xã, và chủ trương đến năm 2020 sẽ bồi dưỡng cho trên 1 triệu cán bộ cấp xã. Về công

tác xây dựng - quy hoạch, hiện tại chỉ có 23,4% trên tổng số hơn 1000 xã trên cả nước có quy hoạch xây dựng; mà đa số các quy hoạch đều chưa chú trọng đúng mức đến cảnh quan, môi trường với mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Quán triệt chủ trương đường lối của Đảng, đồng thời đáp ứng yêu cầu của thời đại, Bộ Xây dựng đã giao cho Học viện AMC soạn thảo bộ tài liệu, có tính đến đặc thù của từng vùng miền. Bộ tài liệu gồm 2 phần (dành cho cán bộ xã vùng đồng bằng và vùng trung du - miền núi - dân tộc); mỗi phần đều có 6 chuyên đề: tổng quan về ngành xây dựng và quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn xã; quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã; quản lý hạ tầng kỹ thuật và môi trường trên địa bàn xã; công tác thanh kiểm tra, xử lý xử phạt vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo về xây dựng trên địa bàn xã; kỹ năng đọc bản vẽ và đo bóc tiên lượng phục vụ công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Phát biểu tại Hội nghị, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá:

Bộ tài liệu được biên soạn rất công phu và sâu sát cho từng vấn đề, là một công cụ đắc lực trong việc trang bị kiến thức quản lý nhà nước cho các cán bộ xã, để từ đó tham mưu cho UBND xã trong lĩnh vực quản lý xây dựng. Tuy nhiên, các chuyên đề nên cụ thể, ngắn gọn, sâu sắc hơn cho phù hợp với trình độ cũng như đặc thù vùng miền; và quan trọng nhất là phù hợp với đối tượng bồi dưỡng.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn nhất trí với những đánh giá, nhận xét của Hội đồng. Thứ trưởng đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung, chỉnh sửa tài liệu theo những ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, trình bày ngắn gọn súc tích hơn để các cán bộ xã dễ tiếp thu, học hỏi.

Dự thảo tài liệu Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng cho công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường các xã về cơ bản đã đạt yêu cầu, song cần chỉnh sửa trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và ban hành.

Lệ Minh

Vật liệu cách âm cách nhiệt tại Triển lãm Quốc tế Vietbuild Hà Nội 2011

Triển lãm Quốc tế Vietbuild được tổ chức định kỳ hàng năm. Đây là dịp để các doanh nghiệp về xây dựng, vật liệu xây dựng, bất động sản, trang trí nội ngoại thất xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư và phát triển. Đồng thời cũng là cơ hội để người tiêu dùng tiếp cận những sản phẩm, công nghệ, dịch vụ mới...

Triển lãm Quốc tế Vietbuild 2011 đóng vai trò dẫn đầu xúc tiến thương mại, kích cầu đầu tư, chuyển giao công nghệ và hợp tác kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong xu thế hội nhập và phát triển. Nét mới của triển lãm Vietbuild lần này là sự hội tụ của những sản

phẩm, dịch vụ mới có chất lượng, tiên tiến về khoa học công nghệ, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường nhằm phục vụ các công trình xanh vì sự phát triển bền vững của đất nước. Tiêu biểu và chiếm số lượng khá nhiều là các sản phẩm cách âm, cách nhiệt phục vụ trong xây dựng dân dụng và công nghiệp.

1. Kính hộp cách âm cách nhiệt PRO-TECH của TECHNOGLASS

Technoglass tự hào là công ty đầu tiên tại Việt Nam sử dụng công nghệ đột phá của Châu Âu thế hệ tiên tiến nhất trên toàn cầu, với hệ thống dây chuyền thiết bị công nghiệp hiện đại hoàn toàn tự động hóa được nhập khẩu đồng

bộ và áp dụng quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt để sản xuất kính PROTECH đạt phẩm cấp chất lượng hàng đầu thế giới. Với công nghệ tạo hộp kính bằng mặt ép phẳng thủy lực dạng đứng, hệ thống cảm ứng nhận biết mặt mạ kính Low-E và kính phản quang và được điều khiển hoàn toàn tự động qua màn hình tinh thể lỏng duy nhất tại Việt Nam của Technoglass cho phép sản xuất với công suất lớn. Đặc biệt với công nghệ hiện đại thế hệ mới nhất này, Technoglass có thể sản xuất các loại kính hộp nhiều ngăn, các loại kính hộp có các hình dáng khác nhau và đặc biệt có thể sản xuất các loại hộp kính có kết cấu các lớp kính so le phục vụ cho kiến trúc các mặt dựng toàn kính và yêu cầu đảm bảo tính thẩm mỹ trong kiến trúc hiện đại.

Kính hộp cách âm cách nhiệt PROTECH là loại kính được cấu tạo bởi hai hay nhiều lớp kính nổi chất lượng cao trở lên, ngăn cách giữa các lớp kính bằng thanh cũ nhôm (aluminum spacer) được nạp hạt hút ẩm và kết dính với nhau bằng các lớp keo Butyl, làm giảm khả năng dẫn nhiệt giữa thanh cũ nhôm và các lớp kính, làm tăng khả năng chống xâm nhập của không khí. Tất cả các hộp kính đều được nạp khí Argon (khí trơ) làm tăng tối đa khả năng cách nhiệt và tránh sự ngưng tụ sương. Các hộp kính được bịt kín bằng keo hai thành phần Polyisobutylene làm tăng khả năng linh hoạt trong quá trình ứng dụng lắp đặt, đảm bảo độ bền tối đa trước các ứng suất và nhiệt độ khắc nghiệt của thiên nhiên.

Với kết cấu dạng hộp bởi các lớp kính ngăn cách bằng lớp trung không, kính PROTECH có thể làm giảm tối đa tiếng ồn không mong muốn từ môi trường xung quanh. Tùy thuộc vào yêu cầu, TECHNOGLASS Industries có thể thiết kế, sản xuất các loại kính PROTECH có các kết cấu và tính chất khác nhau để đạt các mức độ cách âm khác nhau. Khoảng không giữa các lớp kính được nạp khí Argon (khí trơ của MESSER-CHLB Đức) làm tăng tối đa khả năng cách nhiệt của kính PROTECH, giúp cho bên trong tòa nhà sử dụng kính hộp cách âm cách nhiệt

PROTECH luôn mát về mùa hè và ấm áp về mùa đông. Do vậy, giảm đáng kể nhu cầu điều hoà không khí và sưởi ấm. Việc sử dụng các loại kính có tính chất khác nhau, như kính hấp thụ nhiệt, kính phản quang và kính phát xạ thấp sẽ còn làm tăng khả năng tiết kiệm năng lượng và tuổi thọ cho các thiết bị làm mát hay sưởi ấm. Đây là giải pháp thực sự kinh tế và hiện đại khi lựa chọn kính hộp cách âm cách nhiệt PROTECH. Với kính thường, sự chênh lệch nhiệt độ giữa bên ngoài và bên trong căn phòng sẽ dẫn đến sự ngưng tụ hơi nước. Tuy nhiên, kính PROTECH được nạp khí Argon hoàn toàn có thể tránh được khả năng ngưng tụ sương khi có sự chênh lệch cao về nhiệt độ. Khi được kết hợp với kính dán an toàn SAFETECH® và (hoặc) kính tôi cường lực an toàn TEMPERTECH sẽ tạo ra các loại kính hộp cách âm cách nhiệt an toàn (PROTECH-Safe) hoàn hảo, hội tụ toàn diện các lợi ích của kính kiến trúc, đặc biệt là tính an toàn và tiết kiệm năng lượng. Với đặc tính bảo ôn cao, việc căn phòng không bị nóng hay lạnh quá khiến không khí trong phòng thật dễ chịu.

2. Kính hộp cách âm, cách nhiệt Meltabox của Melta Glass

Kính hộp MELTA là loại kính kết hợp từ 2 hay nhiều tấm kính có khoảng trống ở giữa các tấm kính, được sản xuất trên dây chuyền thiết bị hiện đại.

Các đặc tính của kính hộp MELTA :

+ Khả năng cách âm: Kính hộp MELTA có khả năng cách âm, ngăn cản tiếng ồn đảm bảo cho ngôi nhà của bạn có môi trường yên tĩnh và thoải mái để làm việc và nghỉ ngơi.

+ Khả năng cách nhiệt: Kính hộp MELTA sẽ làm tăng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng khi sử dụng máy điều hòa nhiệt độ và lò sưởi. Khả năng tiết kiệm năng lượng đến 30%.

Kính hộp MELTA thường được sử dụng ở những nơi yêu cầu cao về cách âm, cách nhiệt như: Văn phòng, bệnh viện, khách sạn, nhà ga sân bay, ga xe lửa, phòng điện thoại...

3. Vật liệu cách âm cách nhiệt Cát Tường

Cát Tường là công ty sản xuất vật liệu cách nhiệt dạng túi khí hàng đầu tại Việt Nam. Cát Tường hoạt động với mục tiêu cung cấp các giải pháp tối ưu nhất nhằm giảm thiểu tác động của thiên nhiên, tạo nên môi trường sống và làm việc lý tưởng cho con người và cộng đồng.

Sản phẩm cách nhiệt Cát Tường cách nhiệt bằng phương pháp phản xạ nhiệt bức xạ, ngăn chặn hơi nóng đi xuống nhà, giữ cho không gian luôn thoáng mát. Đồng thời ngăn không cho lượng nhiệt bên trong nhà phân tán ra ngoài, giúp tiết kiệm điện năng cho hệ thống chiếu sáng và điều hòa không khí. Ngoài ra, sản phẩm Cát Tường còn có khả năng cách âm, giúp giảm thiểu tiếng ồn giữa 2 môi trường bên trong và bên ngoài ngôi nhà.

Sản phẩm Cát Tường với tính năng cách nhiệt, cách âm được ứng dụng rộng rãi cho mái, vách, sàn và hệ thống điều hòa trung tâm trong các công trình cao ốc, nhà xưởng công nghiệp, tàu thuyền, hội trường, bar, karaoke... Sản phẩm này được cấu tạo bởi màng nhôm nguyên chất hoặc Metalize phủ lên một tấm Polyethylene chứa túi khí. Lớp nhôm có màu sáng bạc giúp phản xạ nhiệt bức xạ, còn lớp nhựa túi khí ngăn chặn quá trình dẫn nhiệt và giúp tản nhiệt nhanh. Ngoài ra lớp nhựa túi khí còn có tác dụng ngăn sóng âm thanh truyền qua.

4. Vật liệu cách âm cách nhiệt VIP

Vật liệu cách âm – cách nhiệt cao cấp VIP được sản xuất trên công nghệ tiên tiến của Hàn Quốc, là một sản phẩm cách nhiệt hoàn chỉnh có tính đàn hồi, tập hợp các tính năng: cách nhiệt (bằng 3 phương thức ngăn chặn nhiệt, phản xạ 97% nhiệt bức xạ, đối lưu nhiệt), cách âm, bền đẹp ... từ vật liệu Polyethylene, có cấu trúc ô kín (closed cell) với các liên kết ngang vật lý có tăng cường lớp nhôm hoặc lớp OPP dày 7um hoặc một lớp keo phủ sẵn ở mặt sau.

Kích thước các ô kín rất nhỏ, mang đến hiệu quả cách nhiệt siêu hạng.

Quy trình croslinking đặc biệt này cho ra đời

các ô kín tuyệt đối vượt trội hơn hẳn về khả năng cách nhiệt so với bông thủy tinh, túi khí, cao su lưu hóa, hoặc croslinking bằng tác nhân hóa học.

Tấm cách nhiệt VIP dùng cho các ứng dụng: Bảo ôn đường ổn điều hòa không khí; Cách nhiệt, cách âm mái nhà công nghiệp; Cách nhiệt, cách âm tường; Cách âm, cách nhiệt ô tô

5. Tấm cách nhiệt Quang Trung PA

Tấm cách nhiệt Quang Trung PA là sản phẩm có công nghệ cao, rất hiệu quả cho việc chống nóng nhà xưởng, vách ngăn, bảo ôn đường cấp khí điều hòa, cách âm, làm sáng nhà.

Với công nghệ cao tiết kiệm điện năng nên sản phẩm tấm cách nhiệt Quang Trung PA có chất lượng bền, đẹp, giá thành thấp so với các loại vật liệu cách nhiệt, cách âm khác. Tấm cách nhiệt, cách âm Quang Trung có khổ rộng lớn nhất là 1,6 mét, dài 50m một cuộn hoặc theo đơn đặt hàng của khách hàng.

Tấm cách nhiệt Quang Trung gồm hai loại: PA1 có một lớp mạ nhôm và ba lớp nhựa chứa túi khí; PA2 có hai lớp mạ nhôm, ba lớp nhựa chứa túi khí.

Ưu điểm của Tấm cách nhiệt Quang Trung PA là ngăn được 97 – 99% nhiệt bức xạ, giảm tới 30 – 50% tiếng ồn, không hút ẩm, ngăn chặn cháy lan, chịu được tác động môi trường (khí than, axit..., độ bền cao

6. Tấm cách nhiệt Alumi của Công ty TNHH Khang Trang

Năm 2010, Công ty TNHH Khang Trang đã sản xuất thành công sản phẩm mới là tấm cách nhiệt ALUMI, một sản phẩm cần thiết trong việc chống nóng cho các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Tấm cách nhiệt ALUMI được cấu tạo bởi lớp màng nhôm phản xạ chống nóng, được bồi gia nhiệt cả hai mặt trên tấm nhựa giảm chấn 3 lớp mềm, dẻo chứa các túi khí tròn với kích thước: cao 0,4mm; rộng 1cm và được chế tạo bằng nhựa Polyetylen nguyên chất.

Thông số kỹ thuật của tấm cách nhiệt ALUMI bao gồm: chiều dày 0,5 mm, dài: 40 m (có thể thay đổi chiều dài theo mọi yêu cầu, khổ rộng: 1,3m-1,55m, độ chịu nhiệt: $\leq 80^{\circ}\text{C}$, độ phản xạ: 95 - 97%, khả năng cách âm : Giảm từ 60 - 70% tiếng ồn, độ bền kéo đứt: $\leq 50 \text{ KN/m}^2$, Áp lực vỡ khí: $\geq 175 \text{ KN/m}^2$

Do được sản xuất bằng các nguyên vật liệu không độc hại nên tấm cách nhiệt túi khí ALUMI là vật liệu sạch đẹp, không gây ô nhiễm môi trường và độc hại tới con người

Sản phẩm cách nhiệt ALUMI siêu nhẹ, bền đẹp, sạch, có khả năng cách nhiệt và cách âm với hiệu quả cao.

Sản phẩm có bề mặt rất sáng nên tiết kiệm được điện năng trong việc chiếu sáng và giữ nhiệt khi sử dụng điều hòa nhiệt độ.

Sản phẩm cách nhiệt ALUMI thường được lắp đặt trên xà gỗ và dưới lớp tôn, fiproximang của mái nhà, lót trần, bảo ôn cho các thiết bị làm lạnh và đường ống dẫn nhiệt, tránh nắng cho các cửa kính ô tô...được sử dụng rộng rãi cho nhà xưởng công nghiệp, trang trại chăn nuôi gia súc, các trung tâm thương mại.

7. Sản phẩm cách nhiệt THERMOBREAK

Công ty TNHH TMDV Công là nhà phân phối tại Việt Nam sản phẩm cách nhiệt THERMOBREAK của Sekisui Foam International trực thuộc từ Tập Đoàn Sekisui Chemical – Nhật Bản. THERMOBREAK được sản xuất tại Nhà máy Sekisui Pilon (Australia) và Thai Sekisui Foam (Thái Lan).

Sản phẩm cách nhiệt THERMOBREAK được sử dụng rộng rãi trong việc cách nhiệt hệ thống ống gió, cách nhiệt đường ống đồng, ống chiller, cách nhiệt mái nhà xưởng...

Đặc tính kỹ thuật của THERMOBREAK bao gồm: Hệ số dẫn nhiệt: $0,032 \text{ W/m.K}$ (Tại nhiệt độ trung bình 23°C ; Tỷ trọng: 25 kg/m^3 ; Độ thấm hơi nước: $8.19 \times 10^{-15} \text{ kg/Pa.s.m}$ (0.029 mg.m/N.h) theo tiêu chuẩn ASTM E96; Hệ số kháng ẩm: > 20.000 ; Thể tích nước hấp thụ: $< 0.8\%$ (ngâm trong nước sau 28 ngày); Hệ số giảm ồn: 0,15; Phạm vi nhiệt độ: $- 80^{\circ}\text{C}$ đến $+100^{\circ}\text{C}$; Khả năng kháng nấm mốc, chống tia cực tím

Kim Nhạn

Vật liệu sơn có tính năng chịu nhiệt cao

Từ ngày 1/9/2009, Tổng cục Giám sát Chất lượng quốc gia của Trung Quốc đã ban hành và triển khai thực hiện Văn bản “Biện pháp quản lý giám sát thiết bị tiết kiệm năng lượng đặc chủng có hiệu quả tiết kiệm năng lượng cao”. Nội dung của Văn bản này quy định rõ việc thiết kế thiết bị tiết kiệm năng lượng đặc chủng. Các kết cấu thiết bị, thiết kế hệ thống, lựa chọn vật liệu, công nghệ, đo lường và giám sát các thiết bị lắp đặt... phải phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn và quy định tiết kiệm năng lượng. Khi cơ quan thử nghiệm và kiểm tra thiết bị đặc chủng, tiến hành kiểm tra tính an toàn đối với quá trình chế tạo thiết bị, lắp đặt, cải tạo, tu sửa thiết bị tiết kiệm năng lượng đặc chủng, phải dựa trên quy định an toàn kỹ thuật của những thiết bị đặc

chủng có liên quan, mức độ ảnh hưởng của dự án đối với thiết bị và hiệu quả hệ thống năng lượng, báo cáo kiểm tra hiệu quả năng lượng

Ngày 16/11/2011, Ủy ban Cải cách và Phát triển Trung Quốc cùng với các cơ quan liên quan đã trình Chính phủ Trung Quốc phê duyệt “Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển ngành công nghiệp quốc gia 5 năm lần thứ 12” và “Kế hoạch phát triển các chuyên đề và lĩnh vực công nghệ thông tin”. Ngoài những chiến lược như: tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường, thời đại công nghệ thông tin mới, chế tạo thiết bị cao cấp, nguồn năng lượng mới, vật liệu mới... Chính phủ Trung Quốc cũng đưa ra những biện pháp quyết liệt nhằm cải cách vật liệu truyền thống, chú trọng hỗ trợ tới những vật

liệu kim loại đặc chủng, vật liệu có kết cấu kim loại, vật liệu cao phân tử tiên tiến, vật liệu vô cơ phi kim loại mới, vật liệu composite hiệu suất cao và nhiều vật liệu mới khác.

Cái gọi là vật liệu mới là chỉ những vật liệu tiên tiến có tính năng ưu việt, mới xuất hiện và đang phát triển thuộc các lĩnh vực công nghệ, có hàm lượng kỹ thuật và có giá trị gia tăng cao. Trên trường quốc tế, vật liệu mới còn được gọi là vật liệu tiên tiến, trong những năm gần đây, nó còn dẫn đầu mở đường tiên phong cho ngành công nghiệp kỹ thuật cao phát triển.

Khi phải đối mặt với tác động của thị trường vật liệu mới, Công ty TNHH Hóa chất Trí Thịnh Uy Hoa Bắc Kinh là một trong những nhà máy duy nhất nghiên cứu & phát triển sản xuất ra vật liệu sơn giữ nhiệt cách nhiệt chịu nhiệt cao. Vật liệu mới này có mã số ZS-1, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, có hiệu quả sử dụng cao, sau một thời gian có mặt trên thị trường đã được người sử dụng đón nhận và đánh giá cao về chất lượng.

Khi so sánh vật liệu sơn giữ nhiệt, cách nhiệt, chịu nhiệt cao với vật liệu giữ nhiệt, cách nhiệt truyền thống, cho thấy: vật liệu mới có hệ số dẫn nhiệt thấp hơn, hiệu quả cách nhiệt, giữ nhiệt rõ rệt, có thể ngăn chặn sự dẫn nhiệt; đặc biệt rất thích hợp cho việc xử lý những thiết bị giữ cách nhiệt nhiệt độ hình; ngoài ra, còn có tính chống cháy, bảo vệ môi trường, độ cứng cao, chịu ma sát cao, dễ thi công, có thể sử dụng vật liệu này trong các lĩnh vực xây dựng, công nghiệp.

Để sản xuất ra vật liệu giữ nhiệt, cách nhiệt chịu nhiệt cao, Công ty TNHH Hóa chất Trí Thịnh Uy Hoa Bắc Kinh, đã sử dụng dung dịch silicat nhiệt độ cao và gốm nano, sản phẩm có khả năng chịu nhiệt ở mức 1800⁰C, hệ số dẫn nhiệt 0,03W/m.K, có hiệu quả ngăn chặn bức xạ của tia hồng ngoại và truyền nhiệt lượng, hiệu quả giữ nhiệt cách nhiệt đạt khoảng 90%, có thể ngăn chặn sự tản mát nhiệt và nhiệt bức xạ lên vật thể có nhiệt độ cao, đối với những vật

thể có nhiệt độ thấp có hiệu quả giữ nhiệt đồng thời còn có thể ngăn chặn sự bức xạ môi trường mà làm mất đi độ mát vốn có, ngăn sự phát sinh ngưng tụ lên vật thể. Trong môi trường nhiệt độ 1100⁰C, nếu bề mặt vật thể sử dụng sơn giữ nhiệt cách nhiệt chịu nhiệt cao với độ dày 8mm, nhiệt độ bề mặt của vật thể sẽ giảm từ 1100⁰C xuống còn 100⁰C. Đối với đường ống, thiết bị có phun vật liệu sơn này, có thể ngăn chặn sự tổn thất nhiệt lượng và bức xạ nhiệt, qua thử nghiệm:

(1) Đối với máy ép nhựa hay những khuôn mẫu đòi hỏi phải sử dụng ở những nơi có nhiệt độ cao, nếu quét một lớp sơn ZS-1 trên mặt ngoài với độ dày nhất định, có thể hạn chế sự mất nhiệt và nâng cao hiệu quả sử dụng.

(2) Đối với ống khói chịu nhiệt độ cao, nếu phủ một lớp sơn ZX-1 với độ dày 3mm lên ống khói, nhiệt độ bề mặt ngoài ống khói thông thường từ 500⁰C giảm xuống còn 150⁰C, rất phù hợp cho việc sử dụng để phát khí thải, giảm phát sinh ngưng tụ, tránh ăn mòn đường ống.

(3) Đối với việc giữ nhiệt cách nhiệt cho tường để tiết kiệm năng lượng, nếu phủ một lớp sơn ZX-1, sẽ mang lại hiệu quả rõ rệt, tỉ lệ tiết kiệm năng lượng đạt trên 60%, có thể giữ 80% nhiệt lượng trong kiến trúc không bị thất thoát, ngoài ra còn có tác dụng chống thấm, chống cháy, khi tiếp xúc với nhiệt độ cao không thải ra khí độc hại, tuổi thọ sử dụng cao.

(4) Trong quá trình luyện thép, nếu sơn 1 lớp ZS-1 lên thùng đựng thép, có thể giúp nước thép đã tôi luyện không bị mất nhiệt, có tính chịu nhiệt cao, hiệu quả giữ nhiệt cách nhiệt tốt, thuận lợi cho việc vận chuyển.

(5) Đối với bề mặt của lò hơi, lò công nghiệp, nếu quét một lớp sơn ZS-1 lên bề mặt với độ dày 6mm, có thể giảm 30% lượng nhiệt bị thất thoát, hiệu quả tiết kiệm năng lượng trên 10%.

(6) Đối với đường ống dẫn hơi, dẫn nhiệt, nếu phủ một lớp sơn ZS-1 trên bề mặt, có thể giảm thất thoát nhiệt năng hơi nước, an toàn cho người lao động.

Những doanh nghiệp truyền thống muốn đổi mới và phát triển lớn mạnh, luôn phải phấn đấu theo mục tiêu đổi mới công nghệ, tích cực ứng dụng vật liệu công nghệ mới, tối ưu hóa việc phân bố nguồn tài nguyên, chặt chẽ tập trung vào năng lượng, giảm mức tiêu thụ, giảm ô nhiễm, tăng cường hiệu quả, từ những phương thức sản xuất truyền thống, lạc hậu, cần đổi mới tư duy mở rộng sản xuất, sử dụng những dây chuyền hiện đại, sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng tốt hơn và mang lại hiệu quả cao.

Doanh nghiệp vừa phải tối ưu hóa việc phân bố nguồn tài nguyên, đồng thời cũng phải nâng cao trình độ sản xuất cho doanh nghiệp mình, thực hiện mục tiêu giảm mức tiêu hao

năng lượng thấp nhất, hạ mức giá thành sản xuất. Sẵn sàng đầu tư, tự tin giải quyết những vấn đề khó khăn cản trở sự phát triển của doanh nghiệp. Công ty TNHH Hóa chất Trí Thịnh Uy Hoa Bắc Kinh, trải qua bao khó khăn, giờ đã trở thành một doanh nghiệp lớn mạnh, có đội ngũ nhân viên kỹ thuật cao, là nhà máy duy nhất nghiên cứu và phát triển loại sơn giữ nhiệt cách nhiệt chịu nhiệt cao, hi vọng sản phẩm sơn mới này có thể trở thành người bạn bảo vệ cần thiết cho các thiết bị công nghiệp, trong xây dựng và góp phần vào mục tiêu tiết kiệm năng lượng của Trung Quốc./.

Nguồn: <http://www.jzqyw.com>

Lược dịch: Bích Ngọc

Vật liệu xây dựng trên cơ sở polypropylen thứ phẩm

Hiện nay, tận dụng chất thải như một nguồn nguyên liệu thứ cấp để sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD) và các sản phẩm xây dựng được coi là xu hướng hiệu quả trong vấn đề xử lý chất thải; vì nhờ đó, không chỉ môi trường thiên nhiên xung quanh được giảm tải, mà nguồn năng lượng nói chung và nguyên liệu sơ cấp nói riêng cũng được tiết kiệm một cách đáng kể.

Trước hết, cần tách vật liệu phế thải bằng nhựa từ nguồn rác thải tổng hợp. Loại vật liệu này chủ yếu là nhựa nhiệt dẻo trọng lượng lớn, trong đó gần 50% là polyolefin (polyetylen và polypropylen). Ngoài ra, hơn 90% nhựa phế thải được đưa về các bãi và hố chôn lấp, mà phần lớn các địa điểm này không hợp tiêu chuẩn vệ sinh cũng như yêu cầu bảo vệ môi trường; hoặc đơn giản là tại đó các chất thải này được « vùi » trong đất. Trên toàn lãnh thổ nước Nga hiện nay, hơn 2 nghìn km² đất đai đã được sử dụng làm nơi tập kết rác thải. Do vậy, nghiên cứu các VLXD trên cơ sở polyolefin thứ phẩm (có đặc tính sử dụng cao và hoạt động trong phạm vi nhiệt độ và phạm vi biến dạng rất lớn) thực sự trở thành một nhiệm vụ cấp thiết.

Trong quá trình nghiên cứu VLXD từ chất dẻo trên cơ sở polypropylen thứ phẩm, các chuyên gia đã sử dụng chất dẻo và các dụng cụ y tế phế thải bằng nhựa của các cơ sở trị liệu. Để so sánh, các chuyên gia đã lấy polypropylen nguyên phẩm mác 21007 (đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn GOST – 26996-86). Họ đã dùng đá phấn, oxit kẽm, muối axetylen và chất màu oxit sắt hỗn hợp như chất độn. VLXD từ polypropylen thứ phẩm (theo tỷ lệ 0-30%) thu được bằng các phương pháp đun chảy nhót và ép khuôn với áp suất riêng 30 – 40MPa và nhiệt độ 170-190⁰C. Các tính chất cơ – lý của VLXD từ chất dẻo trên cơ sở polypropylen thứ phẩm được xác định theo các tiêu chuẩn GOST hiện hành. Để đánh giá tính chất cơ học của polypropylen thứ phẩm, các chuyên gia đã nghiên cứu sự tích thoát ứng suất trong phạm vi nhiệt độ 20-110⁰C và điều kiện liên tục biến dạng (3%), với tốc độ biến dạng 0,75mm/ phút. Khả năng chịu nhiệt của polypropylen thứ phẩm trong không khí được nghiên cứu với sự hỗ trợ của hệ thống phân tích nhiệt module tự động hoá DuPont, khi đun sôi với tốc độ 10 và

20°C/phút. Các chỉ số an toàn cháy của vật liệu được nghiên cứu được xác định theo tiêu chuẩn GOST 12.1.044-89.

Kết quả của những nghiên cứu được tiến hành tại khoa Vật liệu xây dựng bằng chất dẻo và Hoá học ứng dụng (Đại học Xây dựng quốc gia Moskva) đã cho thấy : theo các chỉ số bền vững, polypropylen thứ phẩm vượt trội so với polypropylen nguyên phẩm. Tính bền vững và module đàn hồi khi nén và dẫn căng của polypropylen thứ phẩm thu được từ nhựa phế thải từ các cơ sở trị liệu bằng 29,7 và 820MPa; 26,6 và 1150MPa. Đối với polypropylen nguyên phẩm, các chỉ số này là 16,4 và 300MPa; 14,7 và 500MPa. Đồng thời, độ dẫn tương đối khi polypropylen thứ phẩm bị nứt vỡ (19,8%) cũng thấp hơn nhiều so với polypropylen nguyên phẩm (747%). Sự khác nhau đó càng củng cố thêm kết luận: các tạp chất vô cơ của sắt, titan, can xi và đồng có trong polypropylen khi tái xử lý chính là cái lõi tạo nên chất dẻo mà kết quả là mức độ kết tinh của polypropylen thứ phẩm tăng lên từ 70 đến 83%, và sức bền vật liệu theo đó cũng tăng lên.

Các tính chất của polypropylen thứ phẩm tùy thuộc vào điều kiện sử dụng cũng như tuổi thọ của sản phẩm bằng chất dẻo: càng ít chịu tác động bên ngoài, loại sản phẩm này càng có những đặc tính gần giống như polypropylen nguyên phẩm.

Để nâng cao đặc tính không bị biến dạng của VLXD trên cơ sở polypropylen thứ phẩm, trong thành phần của các vật liệu này các chuyên gia đã đề nghị đưa vào (với tỷ lệ 20%) polypropylen nguyên phẩm nhằm làm tăng độ dẫn khi nứt vỡ (đến 60 -75%), cũng như độ bền va đập riêng của VLXD từ chất dẻo.

Với sự hỗ trợ của các chất độn dạng khoáng chất, chỉ số sử dụng của VLXD từ chất dẻo có thể tăng cao, đồng thời nguy cơ cháy và giá thành lại có thể giảm đi. Các chuyên gia đã kết luận rằng: hàm lượng tối ưu của các chất độn được nghiên cứu chỉ chiếm tỷ lệ 15 – 20% trong

thành phần VLXD dẻo trên cơ sở polypropylen thứ phẩm. Khi độn, VLXD dẻo sẽ đạt được những đặc tính tốt về mặt công nghệ cũng như hiệu quả về mặt sử dụng; song lại thuộc nhóm các vật liệu dễ cháy và tạo nhiều khói. Polypropylen thứ phẩm được độn có thể được sử dụng để làm ra các sản phẩm có độ dài và sản phẩm kỹ thuật - vệ sinh, các ống bằng chất dẻo.

Sự thay đổi không đáng kể của r_v khi nhiệt độ thay đổi là đặc trưng của polypropylen được độn có tính dẫn điện cao (điện trở suất riêng r_v khi độn 15 – 20% bằng 0,3 – 1,5 Om.m). Trong toàn bộ phạm vi nhiệt độ được nghiên cứu (20-110°C) và mức tập trung chất độn dẫn điện (với tỷ lệ 15 -30%), hệ số nhiệt điện trở rất khả quan, đạt được $4-6 \cdot 10^{-3}$ độ⁻¹. Loại vật liệu này có thể được sử dụng như những tấm chắn nhiệt trong sản xuất các ván khuôn nhiệt. Nhờ độ bền hoá học cao và không dính bám bề tông của polypropylen thứ phẩm, bề mặt các cấu trúc bê tông cốt thép sẽ trơn nhẵn. Hơn nữa, hiệu quả giữ nhiệt của các cấu trúc xây dựng sẽ tăng lên đáng kể, giúp giảm từ 7 -12% chi phí điện năng, giảm tỷ lệ và khối lượng công việc khi chế tạo ván khuôn, tăng khả năng chu chuyển các hình thức từ 2,2 – 2,5 lần.

Một trong những phương pháp đánh giá tính chất cơ học của các VLXD trên cơ sở polypropylen thứ phẩm là đo sự tích thoát ứng suất trong phạm vi nhiệt độ 20...110°C tương ứng phạm vi nhiệt độ hoạt động thích hợp của polypropylen. Các chuyên gia đã tiến hành nghiên cứu sự tích thoát ứng suất của polypropylen thứ phẩm nguyên chất và polypropylen thứ phẩm có độn chất màu oxit sắt hỗn hợp (theo tỷ lệ 15%). Nếu thể hiện bằng sơ đồ, với trục tung y biểu thị lực căng (MPa), trục hoành x biểu thị thời gian (phút), và lần lượt trong điều kiện nhiệt 20°C; 40°C; 70°C và 110°C thì đường cong biểu thị sự tích thoát ứng suất đều đi xuống khi thời gian tăng lên. Tuy nhiên, các đường cong biểu thị sự tích thoát ứng suất của polypropylen thứ phẩm nguyên chất

thấp hơn so với các đường cong tương ứng (cùng một chỉ số nhiệt độ trong cùng một đơn vị thời gian) của polypropylen thứ phẩm độn chất màu oxit sắt hỗn hợp theo tỷ lệ 15%. Điều này chứng tỏ: ứng suất được tích thoát đáng kể khi có biến dạng thường xuyên; còn module đàn hồi giả đồng đều E vô cùng thực chất thấp hơn module E_0 ban đầu (là module có vị trí sau khi kết thúc «khoảnh khắc» biến dạng).

Với các đường cong biểu thị sự tích thoát ứng suất, những đường cong tích thoát tổng quát của polypropylen thứ phẩm nguyên chất và polypropylen thứ phẩm có chất độn đã được lập nên. Việc thiết lập được tiến hành bằng cách tịnh tiến đường cong biểu thị sự tích thoát ứng suất ban đầu dọc theo trục x (theo một chương trình đặc biệt trên máy tính cho phép thực hiện việc thiết lập tự động). Trong quá trình lập, nguyên tắc tương tự về thời gian - nhiệt độ được áp dụng; tương ứng với điều này, thời gian kéo dài sự tích thoát và nhiệt độ có cùng ảnh hưởng tới ứng suất tích thoát.

Các đường cong tích thoát tổng quát đặc

trung cho khả năng cơ học của VLXD trong điều kiện biến dạng cho phép. Đường cong tổng quát của polypropylen thứ phẩm trên sơ đồ có vị trí thấp hơn so với đường cong tương tự của polypropylen thứ phẩm được độn chất màu oxit sắt hỗn hợp; từ đó kết luận được rút ra: polypropylen thứ phẩm được độn trong mọi điều kiện đều duy trì ứng suất khá lớn mà không bị phá vỡ, so với polymer thứ phẩm nguyên chất. Nhờ đó, polypropylen thứ cấp được độn có thể được sử dụng để tạo nên những kết cấu cứng chắc hơn.

Như vậy, bằng các nghiên cứu của mình, các nhà khoa học đã khẳng định: việc ứng dụng chất độn dạng khoáng chất để chế tạo VLXD trên cơ sở polypropylen thứ phẩm tạo điều kiện nâng cao độ bền vững cũng như giảm bớt tình trạng biến dạng của VLXD.

V.A.Ushkov

Nguồn: Tạp chí Xây dựng dân dụng và Xây dựng công nghiệp Nga số 9/2011

ND: Lê Minh

Xây dựng nhà ở tại Nga - Thực trạng và triển vọng

Hiện trạng...

Trong xã hội hiện đại, vấn đề nhà ở luôn "nóng" và mang tính thời sự cao. Tại Nga, cùng với chương trình "Nhà ở" trong 5 năm - từ năm 2011 đến năm 2016; dự án quốc gia "Nhà ở với mức giá hợp lý" dành cho những người có thu nhập trung bình đang được xem xét triển khai. Chính phủ Nga đang rà soát lại các cơ sở pháp lý, đồng thời dỡ bỏ một loạt các rào cản, cũng như đơn giản hóa cơ chế chuyển giao đất đai thành thể loại cần thiết. Vấn đề thiếu cơ sở hạ tầng hiện nay khá bức thiết. Những năm gần đây, chủ đầu tư chỉ muốn chào mời các đơn vị xây dựng những "cánh đồng trống" - không có hệ thống thông tin liên lạc, lưới điện, đường giao thông... Các nhà đầu tư dường như đều lảng tránh việc bỏ tiền để xây dựng các công trình hạ

tầng. Cho dù còn nhiều tồn tại cản trở tiến trình triển khai dự án, chính quyền vẫn cố gắng có những động thái tích cực. Trong một vài năm gần đây, chính quyền đã cố gắng tiếp cận với các quan điểm của các nhà đầu tư và các nhà xây dựng. Mối quan hệ 2 chiều của các cơ quan nhà nước đối với tổ chức kinh doanh xã hội nhỏ và vừa là một ví dụ sinh động. Trong khuôn khổ các quan hệ song phương này, các nhà kinh doanh cũng đã cố gắng thông hiểu và ủng hộ giới quan chức nhằm giải quyết các vấn đề quan trọng hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng - hoàn thiện cơ sở pháp lý, đơn giản hóa cơ chế thay đổi thể loại đất đai, cũng như kích thích sự tăng trưởng xây dựng. Hơn nữa, xu hướng phát triển tín dụng thế chấp mà chính quyền thường dựa vào đó để định ra mức thuế, và việc kinh

doanh cũng như bản thân mỗi công dân nhìn chung đều tích cực. Hình thức thế chấp không còn là đặc quyền mà chỉ người dân Thủ đô có thể được hưởng nữa, bởi vì việc cho vay tín dụng sẽ dẫn tập trung vào các ngân hàng của từng vùng miền; mà nhu cầu tín dụng tại các vùng lại khá cao. Tại vùng Siberi, trong quý 1 năm 2010 ngân hàng đã xuất 15 tỷ rúp; các ngân hàng vùng Privolzhski cũng đã chi số tiền tương tự như vậy cho các khách hàng của mình vay. " Chỉ có kiên quyết thay đổi điều kiện xây dựng mới giải quyết được vấn đề nhà ở tại Nga. Vấn đề này phụ thuộc vào 2 yếu tố - giá thành hợp lý và việc sở hữu nhà" - ông A.Sherchiukov, lãnh đạo một ngân hàng vùng Sibiri đã kết luận như vậy. Theo ông, việc thế chấp chưa thể giải quyết toàn bộ vấn đề nhà ở, song có thể đưa người dân tiến gần tới việc sở hữu căn nhà đó.

...Và ngày mai

"Khối lượng xây dựng nhà ở của Nga trong năm 2010 cần vượt chỉ số của những năm hoàng kim thời kỳ Liên bang Xô viết" - Bộ trưởng Bộ Phát triển vùng Liên bang Nga, ông V.Iakovlev đã đưa ra dự báo như vậy cho sự phát triển năng động của thị trường nhà ở Nga. Dưới thời Liên Xô trước đây, cao điểm xây dựng là vào những năm 80 của thập kỷ XX, khi mỗi năm có tới 76 triệu m² nhà ở được đưa vào sử dụng. Năm 2010, trong khuôn khổ dự án "Nhà ở có mức giá hợp lý", chính quyền dự kiến xây 80 triệu m² nhà ở. Việc này trong chừng mực nào đó giúp cân bằng cung - cầu trên thị trường nhà ở, đồng thời làm giá thành nhà giảm một phần. Tuy nhiên, người dân cũng cần nhớ rằng: Để thị trường nhà phát triển ổn định, phải đưa vào sử dụng ít nhất 1m² diện tích ở/năm/ người; tức là phải xây 145 triệu m² nhà ở/năm - một con số khó mà đạt được trong vài năm tới đây.

Nói đến triển vọng của ngành xây dựng nhà ở, không thể không nhắc tới yếu tố tác động trực tiếp tới thị trường này - đó là thực trạng và như xu hướng phát triển của thị trường vật liệu xây dựng. Các chuyên gia nhất trí cho rằng chi

phí xây dựng ở Nga rất tốn kém. Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên là tốc độ tăng trưởng chậm của thị trường nội địa; tình hình ngày càng trầm trọng thêm bởi một bộ phận nhỏ các nhà sản xuất, bởi chất lượng chưa tốt của vật liệu xây dựng, cũng như năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường chung còn yếu. Tuy nhiên, trên quan điểm tăng trưởng của ngành xây dựng nhà ở, các nhà phân tích đã dự báo sự phát triển nhanh chóng của thị trường vật liệu xây dựng Nga trong vòng 2-3 năm tới. Điều này sẽ ảnh hưởng trước tiên tới việc sản xuất các vật liệu cơ bản như bê tông, xi măng, gạch nung và các loại vữa khô dùng trong xây dựng.

Năm 2011, Nga dự kiến sản xuất khoảng 53 triệu tấn xi măng, trong khi nhu cầu về xi măng của Nga là 57 triệu tấn. Trước năm 2010, các chuyên gia đã dự báo sản lượng xi măng sẽ tăng gấp đôi (tới 90 triệu tấn). Theo quan điểm cho rằng thị trường xi măng độc quyền thì vấn đề này đặc biệt quan trọng - hơn 50% sản lượng xi măng của Nga do công ty cổ phần khép kín Eurocement nắm giữ; và khi giá xi măng của công ty này tăng, thị trường nhà ở ngay lập tức chịu những tác động đáng kể.

Các chuyên gia còn đề cập tới việc tăng sản lượng gạch nung. Hiện nay, tốc độ tăng trưởng của loại vật liệu xây dựng này đạt 8-10% /năm, và con số này đương nhiên chưa thể đáp ứng nhu cầu xây dựng hiện đại. Nhưng với công suất sản xuất hiện có, việc tăng sản lượng gạch lên ngang với nhu cầu của thị trường cũng cần 6-7 năm nữa. Tình hình tương tự với việc sản xuất bê tông. Chỉ có các nhà sản xuất vữa khô trong xây dựng là bảo đảm mức tăng sản phẩm nhanh nhất (25% /năm).

Sự thiếu hụt vật liệu sản xuất trong nước khiến cho chỉ số giá xây dựng tăng cao. Chỉ riêng gạch nung, sau một năm giá đã đội lên tới 50%. Giá các vật liệu xây dựng khác cũng tăng đến chóng mặt. Trên thị trường vật liệu xây dựng của Nga hiện nay, gần 80% vật liệu là hàng tái

xuất - các công ty của Nga cung cấp nguyên liệu cho thị trường phương Tây, và mua các vật liệu thương phẩm cũng của thị trường này.

Làn sóng công nghệ

Để tăng tỷ trọng xây dựng nhà ở, nhất thiết phải giảm giá thành các công trình xây dựng, và rút ngắn được thời hạn thi công. Trong những năm 60-70 của thế kỷ XX, vấn đề trên được giải quyết bằng biện pháp ưu tiên phát triển nhà lắp ghép. Các kỹ sư đã tiết kiệm được diện tích ở, chiều cao trần nhà, bề dày tường cũng như chất lượng vật liệu xây dựng. Bên cạnh đó là sự thất thoát năng lượng trầm trọng, chi phí giao thông cao chưa được tính đến... Do đó không thể bàn về chất lượng các ngôi nhà.

Hiện nay, ngành Xây dựng Nga đang trải qua cuộc cách mạng thực thụ. Sự phát triển của thị trường đã chỉ ra những yêu cầu bức thiết chủ yếu như sau: chất lượng cao của những công trình mới và mức giá cuối cùng thấp nhất của công trình" - ông V.Petrov, PGS. khoa Thiết kế - Kiến trúc, Trường ĐH Kiến trúc - Xây dựng đã phát biểu như vậy. Các công ty hoạt động trên thị trường vật liệu xây dựng trong nước đã đề xuất một số giải pháp công nghệ nhằm cải thiện chất lượng công trình, đồng thời hạn chế ngân sách của các dự án ở mức thấp nhất.

Việc ứng dụng các vật liệu cách nhiệt với các tính năng được cải tiến - các tấm tường có độ đặc chắc gấp đôi (sản phẩm đã được cấp bằng sáng chế của công ty ROCKWOOL - công ty hàng đầu thế giới trong lĩnh vực sản xuất vật liệu chịu nhiệt từ sợi đá) đang là xu hướng được ưu tiên hiện nay. Các sản phẩm mới giúp giảm giá thành lắp ghép từ 15-25%, giảm thời gian thi công từ 10 -15%, có tác dụng giữ nhiệt cho các mái phẳng, thiết lập các hệ thống mặt tiền bằng tấm thạch cao mỏng và thông thoáng ở chỗ: mỗi tấm cách nhiệt có 2 lớp - lớp cứng chắc phía trên và lớp kém chắc hơn phía dưới, do đó việc xây lắp chỉ giới hạn bằng một lớp cách nhiệt, thay vì 2 lớp. Nhờ vậy, chi phí lao động cũng sẽ giảm đi.

Hệ thống mặt tiền và hệ thống mái che chế tạo sẵn cũng góp phần đáng kể vào việc làm giảm thời gian và tiết kiệm chi phí lao động. Các hệ thống này là một tổ hợp các vật liệu cần thiết cho việc lắp ráp các mặt tiền hay mái nhà; và trong một số trường hợp các công ty - nhà sản xuất sẽ cung cấp thêm một số dịch vụ nữa. Với tổ hợp các kết cấu chọn lọc được gia công sẵn để tạo khả năng tương thích, và với kỹ thuật lắp đặt hệ thống, các nhà xây dựng có thể tiết giảm thời gian thi công, đồng thời gia tăng chất lượng công trình lên nhiều lần.

Một phương pháp nữa cho phép rút ngắn thời hạn đưa công trình vào sử dụng là xây sàn và trần ngăn bằng bê tông theo công nghệ TREMIX - ứng dụng các cấu kiện bê tông cốt thép chèn dẫn hướng có thể bảo đảm độ bền vững cao của các mạch xây cũng như việc hoàn thiện bề mặt bằng phương pháp cơ giới, tạo điều kiện củng cố bề mặt vững chắc. Song giai đoạn quan trọng hơn cả trong quy trình công nghệ này là chính là xử lý rung hỗn hợp bê tông trong quá trình xây xếp và tạo chân không trong bê tông. Công nghệ này cho phép giảm từ 10 -25% lượng nước trong xi măng, đạt được việc gia cố khung kết cấu của bê tông cũng như giảm độ xốp của bê tông, từ đó gia tăng tính chống mòn của bê tông chân không tới 30 lần so với bê tông thông thường. Như vậy, thời gian sử dụng của kết cấu tăng lên, chi phí sửa chữa giảm đi, cũng có nghĩa là tổng chi phí xây dựng và bảo trì công trình sẽ giảm. Về mặt thời gian, bê tông chân không sẽ đạt được 70% độ đặc chắc chỉ sau 7 ngày, thay vì 28 ngày như bê tông thông thường.

Khối xây silicat hơi ngày càng phổ biến. Theo tính toán của các nhà sản xuất, việc ứng dụng loại vật liệu này cho phép tiết kiệm tới 40% khối lượng công việc trong thi công xây tường(một khối silicat hơi có thể thay thế cho 15-20 viên gạch nung), giảm chi phí vữa xây, cũng như không cần trát vữa phẳng phiu cho các bức tường.

Việc ứng dụng công nghệ VELOX (phương pháp đổ bê tông đơn khối sử dụng ván khuôn không tháo dỡ) có thể thay thế cho xây dựng truyền thống - tấm xi măng dăm gỗ. Công nhân xây dựng có thể tiến hành lắp ghép các tấm này mà không cần sự hỗ trợ của các máy nâng, nhờ các tấm có khối lượng không lớn. Bên cạnh việc nâng cao tiến độ thi công, công nghệ này còn cho phép tiết kiệm các ván khuôn khi tháo dỡ (công đoạn có trong xây liền khối thông thường). VELOX giúp giảm tới 60% chi phí lao động, 80% chi phí sử dụng máy móc xây dựng, cũng như thời gian cần thiết để dựng khung nhà. Theo các nhà sản xuất, việc ứng dụng công nghệ cho phép giảm giá thành xây liền khối từ 15-20%.

Hiện nay, các xu hướng trong ngành xây dựng nhà ở tại Nga phụ thuộc nhiều vào nhà nước và các nhà đầu tư, cũng như các nhà sản xuất vật liệu xây dựng. Thành tích chung của toàn ngành (thể hiện ở tỷ trọng xây dựng) chỉ có thể đạt được khi lợi ích của tất cả các bên trên thị trường này đều được thỏa mãn. Bên cạnh đó, việc tạo ra những vật liệu xây dựng mới và áp dụng các công nghệ tiên tiến nhằm thúc đẩy việc giảm giá thành xây dựng - đồng nghĩa là tăng diện tích xây dựng - đóng một vai trò hết sức quan trọng.

Nguồn: <http://svprssa.ru/society>

ND: Lê Minh

Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan dự Lễ Kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn - Bộ Xây dựng

Sáng ngày 9/12/2011 tại Trung tâm Hội nghị quốc gia, Hà Nội, Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn - Bộ Xây dựng (VIAP) đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất. Tới dự buổi Lễ có Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan; Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng; đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương; các đồng chí nguyên là lãnh đạo Bộ Xây dựng, lãnh đạo Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn các thời kỳ.

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, Phó Chủ tịch Quốc hội Tòng Thị Phóng đã gửi lẵng hoa chúc mừng VIAP.

Thay mặt lãnh đạo VIAP, Viện trưởng Ngô Trung Hải đã đọc diễn văn kỷ niệm 55 năm ngày thành lập, ôn lại quá trình xây dựng và trưởng thành của VIAP qua các thời kỳ lịch sử, gắn liền với sự nghiệp xây dựng và phát triển của đất nước. Là một viện nghiên cứu đầu ngành trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, trong 55 năm qua, VIAP đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được Bộ Xây dựng, Chính phủ giao cho, tạo ra hàng ngàn sản phẩm quy hoạch, công trình kiến trúc, góp phần thay đổi diện mạo của các đô thị trên cả nước. Với những thành tích đã đạt được, VIAP đã được Đảng, Nhà nước, Bộ Xây dựng tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý.

Nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày thành lập, với những thành tích xuất sắc đã đạt được, VIAP vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan đã trao Huân chương Độc lập Hạng Nhất cho VIAP.

Cũng nhân dịp này, ông Ngô Trung Hải -



Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho VIAP



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu chúc mừng VIAP tại buổi Lễ

Viện trưởng VIAP được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba; ông Trương Văn Quảng - Phó Viện trưởng được Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Phát biểu chúc mừng VIAP, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã nhiệt liệt biểu dương thành tích mà các thế hệ cán bộ, viên chức của VIAP đã đạt được trong thời gian qua.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá, VIAP là viện nghiên cứu có bề dày truyền thống, là viện đầu đàn trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch. Trải qua 55 năm với nhiều khó khăn, thử thách, các thế hệ cán bộ, viên chức của VIAP đã nỗ lực hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành Xây dựng và đất nước. Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, trong thời gian tới, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng rất nặng nề, với trọng tâm hoàn thiện thể chế, chính sách về đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, phát triển nhà ở. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới, VIAP cần tập trung mọi nguồn lực, phát huy những thế mạnh, thành tích và truyền thống của mình, khắc phục những tồn tại, rà soát củng cố bộ máy, hình thành các tổ chức nghiên cứu chuyên sâu; bám sát chủ trương, định hướng lớn của ngành để xác định nhiệm vụ trọng tâm của Viện trong từng giai đoạn; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ

trong công tác quy hoạch; nghiên cứu sâu về lý luận kiến trúc, bảo đảm giữ gìn bản sắc nhưng hiện đại, kiến trúc xanh, phù hợp với thời đại; tham gia mạnh mẽ vào công tác lập quy hoạch các vùng, khu kinh tế, quy hoạch nông thôn mới; đầu tư phát triển nguồn lực con người, có kế hoạch dài hạn phát triển đội ngũ chuyên gia đầu đàn trong các lĩnh vực.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng bày tỏ sự tin tưởng, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với bề dày truyền thống, sự tâm huyết, đoàn kết, chung sức chung lòng của lãnh đạo và các cán bộ, viên chức của VIAP, sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Xây dựng, các Bộ ngành Trung ương và các địa phương, VIAP sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2011 và những năm tiếp theo, đưa VIAP thực sự trở thành một Viện nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Minh Tuấn

Ban chỉ đạo Chương trình Nước và vệ sinh các thị trấn Việt Nam họp phiên thứ 7

Ngày 30/11/2011 tại Bộ Xây dựng, Ban chỉ đạo Chương trình Nước và vệ sinh các thị trấn Việt Nam đã họp phiên thứ 7. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang chủ trì phiên họp.

Dự họp có TS. Nguyễn Tường Văn - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng, Giám đốc Chương trình, ông Janne Sykko - Tham tán Đại sứ quán Phần Lan, ông Antti Nykanen - Cố vấn trưởng, Trưởng đoàn Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật, đại diện các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, các chuyên gia tư vấn quốc tế, đại diện các tỉnh có dự án Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, thành phố Hải Phòng, Hưng Yên, Thái Bình, Tuyên Quang, Yên Bái, Ngân hàng ADB và các cơ quan có liên quan.

Phát biểu khai mạc cuộc họp, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang chào mừng các đại biểu tham dự cuộc họp và cho biết tại phiên họp



Toàn cảnh cuộc họp của Ban chỉ đạo

thứ 7 Ban chỉ đạo và các đại biểu nghe Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật trình bày báo cáo Đánh giá giữa kỳ, các ý kiến và đề xuất của Chương trình, báo cáo tiến độ quý 3/2011 và kế hoạch quý 4/2011; Ban chỉ đạo và các đại biểu thảo luận và quyết định về các đề xuất của Tư vấn hỗ trợ

kỹ thuật, thông qua Báo cáo tiến độ quý 3/2011, chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện Chương trình cho thời gian tới.

Tham tán Đại sứ quán Phần Lan Janne Sykko trình bày Báo cáo giữa kỳ đánh giá kết quả thực hiện của giai đoạn II, nêu các kiến nghị và đề xuất. Chương trình Nước và vệ sinh các thị trấn giai đoạn II đặt mục tiêu tăng khả năng tiếp cận với nước sạch và vệ sinh tại 12 thị trấn nhỏ thuộc 8 tỉnh phía Bắc với tổng số dân phục vụ gần 50.000 người; Chương trình được thực hiện tại 4 tỉnh miền núi phía Bắc là Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái và 4 tỉnh phía Bắc đồng bằng sông Hồng là Bắc Kạn, thành phố Hải Phòng, Hưng Yên và Thái Bình. Việc thực hiện Chương trình sẽ hỗ trợ phát triển kinh tế cân bằng theo khu vực, giảm di dân tới các thành phố lớn và hỗ trợ thực hiện các nỗ lực của Việt Nam đạt được các Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ về nước sạch và vệ sinh.

Mặc dù còn những trở ngại như việc triển khai Chương trình chậm so với kế hoạch, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Chương trình với các chương trình khác liên quan đến cấp nước và vệ sinh, chất lượng thiết kế và thi công một số các công trình còn khiếm tốn, tại nhiều thị trấn doanh thu chưa đủ bù chi phí vận hành và bảo dưỡng,... tuy nhiên Báo cáo đánh giá giữa kỳ cho thấy Chương trình đã tạo được những thay đổi đáng kể trong đời sống của người dân vì trên 60.000 người đã được kết nối với hệ thống cấp nước và còn nhiều người dân nữa sẽ nhận được dịch vụ cấp nước trong thời gian còn lại của Chương trình. Về mặt này Chương trình được đánh giá là hiệu quả và sẽ có tác động lâu dài khi thời gian vận chuyển nước đến người tiêu thụ sẽ giảm, tình hình thoát nước và vệ sinh được cải thiện và nhận thức của người dân về vệ sinh sẽ được nâng cao. Sự tác động tích cực còn thể hiện trong việc quyền và vị thế của phụ nữ và trẻ em được nâng cao. Ngoài ra, các đối tác địa phương đã tích lũy được kiến thức và kinh nghiệm trong công tác lập và thực hiện dự

án do đó họ sẽ có khả năng đảm nhận những trách nhiệm lớn hơn trong các tương lai.

Chương trình rất phù hợp với nhu cầu và ưu tiên của người dân tại các thị trấn tham gia Chương trình. Tuy nhiên, dường như còn thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa chính sách giá bán nước sạch với việc thực hiện mục tiêu ban đầu đặt ra là sử dụng doanh thu cho việc bù các chi phí trong cấp nước. Chương trình sẽ có thể là một mô hình tốt cho các chương trình khác.

Quỹ quay vòng nước quốc gia đã được thành lập nhằm hỗ trợ cho công tác đầu tư tuy nhiên thực tế cho thấy để Quỹ thực sự đi vào hoạt động cần thêm vốn và mặc dù khung chính sách cần thiết cho Quỹ đã sẵn sàng nhưng vẫn cần sự hợp tác đầy đủ hơn của các bên liên quan.

Đối với thoát nước và vệ sinh đã có Quỹ quay vòng cung cấp các khoản vay nhỏ cho các hội nghèo để thi công cải tạo bể phốt và kết nối với hệ thống thoát nước. Quỹ này đã và đang hoạt động tốt.

Báo cáo đánh giá giữa kỳ cũng đã nêu ra các khuyến nghị về chiến lược kết thúc, Quỹ quay vòng nước quốc gia, cải thiện công tác quản lý tài chính, việc kết hợp cấp nước và thoát nước, nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, việc đảm bảo thiết kế và chất lượng thi công, việc vận hành và bảo dưỡng, việc đưa các phòng thí nghiệm nước vào hoạt động và một số vấn đề khác.

Ông Antti Nykanen - Cố vấn trưởng, Trưởng đoàn Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã trình bày ý kiến của Chương trình đối với các khuyến nghị của Báo cáo đánh giá giữa kỳ và các ý kiến đề xuất của Chương trình.

Chương trình đề xuất gia hạn 12 tháng để đủ thời gian cho giai đoạn bảo hành và hỗ trợ công tác quản lý, vận hành và giám sát hệ thống đồng thời tạo điều kiện cho việc hoàn thành thi công các dự án giai đoạn II mà có khả năng bị chậm trễ. Để góp phần nâng cao chất lượng thiết kế, thi công và đấu thầu, Chương trình sẽ xây dựng

tiêu chí lựa chọn nhà thầu hợp lý phục vụ công tác đấu thầu, tiêu chí tuyển chọn tư vấn giám sát thi công đủ năng lực cho nhà đầu tư và cung cấp các chuyên gia quốc tế ngắn hạn để thực hiện kiểm tra và góp ý cho các thiết kế chi tiết, đồng thời các chuyên gia quốc tế ngắn hạn cũng sẽ trực tiếp tham gia giám sát tại công trường. Chương trình cũng sẽ hỗ trợ các chủ đầu tư xây dựng lộ trình tăng giá nước,...

Sau khi nghe các báo cáo, các thành viên Ban chỉ đạo và đại diện các tỉnh, thành phố đã phát biểu ý kiến bày tỏ sự nhất trí với các báo cáo đã được trình bày, đồng thời làm rõ thêm thực trạng thực hiện các dự án tại địa phương và nêu lên một số kiến nghị.

Phát biểu kết luận Thứ trưởng Cao Lại Quang cho biết Ban chỉ đạo về cơ bản đánh giá tốt Báo cáo giữa kỳ, thống nhất với các ý kiến đề xuất của Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật và đồng ý về nguyên tắc với kiến nghị gia hạn thời gian thực hiện các dự án, tuy nhiên việc gia hạn cần được tính toán kỹ và thận trọng cho từng gói thầu kết hợp đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng,.. bởi lúc này việc kéo dài thời gian thực hiện Chương trình sẽ không có lợi; Ban chỉ đạo nhất trí với việc thành lập Quỹ quay vòng cấp nước quốc gia và Quỹ được đặt tại các chi nhánh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) tại các địa phương để hỗ trợ cho các dự án cấp nước Giai đoạn II của Chương trình theo hướng cho vay lại đồng thời thực hiện ưu tiên cho các địa phương được thực hiện đấu thầu hạn chế trong

điều kiện bảo đảm sự minh bạch, rõ ràng, chọn được các nhà thầu có năng lực tốt, tránh tình trạng đấu thầu không hiệu quả.

Ban chỉ đạo và các đại biểu cũng đã nghe và cho ý kiến về Tóm tắt Báo cáo tiến độ quý 3/2011 và kế hoạch quý 4/2011, cập nhật thông tin về các dự án dở dang của giai đoạn I và kế hoạch thực hiện các dự án giai đoạn II. Báo cáo tiến độ quý 3/2011 đánh giá việc thực hiện Chương trình trên cơ sở 3 kết quả đề ra trong văn kiện, theo đó Kết quả 1: Các hệ thống cấp nước và thoát nước, xử lý nước thải mới được thiết kế và xây dựng phù hợp nhằm phục vụ khoảng 50.000 người trong các đô thị dự án; Kết quả 2: Cơ chế quản lý, vận hành và bảo dưỡng của dịch vụ cấp nước, thoát nước trong các đô thị dự án được thiết lập tốt, nhằm bảo đảm dịch vụ bền vững, hiệu quả và minh bạch; Kết quả 3: Quỹ quay vòng cấp nước của Phần Lan (FNRW) được hoà nhập vào Quỹ quay vòng cấp nước quốc gia (NRWF).

Việc Ban chỉ đạo Chương trình Nước và vệ sinh các thị trấn Việt Nam họp phiên thứ 7 để đóng góp ý kiến và quyết định những vấn đề cấp thiết cho việc thực hiện giai đoạn II đã tạo ra những điều kiện thuận lợi và hết sức cần thiết cho việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, bảo đảm cho Chương trình được thực hiện đúng kế hoạch và đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Huỳnh Phước

Hội nghị triển khai Chương trình thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành cấp nước Việt Nam năm 2011 - 2012

Ngày 13/12/2011, tại cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị triển khai Chương trình thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành cấp nước Việt Nam năm 2011- 2012. Tham dự Hội nghị có đồng chí Cao Lại Quang- Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Hội Cấp thoát nước Việt Nam;

đại diện các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng; đại diện Ngân hàng Thế giới (WB); các cán bộ, chuyên viên Ban quản lý (BQL) dự án; lãnh đạo các công ty cấp nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuyên gia của tổ chức tư vấn trong và ngoài nước.

Theo báo cáo của TS. Nguyễn Tường Văn - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng, Giám đốc BQL dự án - Tỷ lệ đô thị hoá và gia tăng dân số hiện nay ở Việt Nam tạo áp lực lớn cho lĩnh vực cấp thoát nước. Nhằm hỗ trợ các công ty cấp nước có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của mình, đồng thời tạo công cụ cho các nhà hoạch định chính sách và thể chế đưa ra các mô hình quản lý hiệu quả và lập kế hoạch phát triển ngành; xác định những đơn vị hoạt động kém hiệu quả qua đó có những hình thức hỗ trợ cần thiết của nhà nước, Bộ Xây dựng - với vai trò là cơ quan chủ quản của Chương trình, đồng thời là cơ quan chịu trách nhiệm đối với ngành cấp nước đô thị, đòi hỏi tự duy trì hệ thống quản lý nước ổn định, có đầy đủ dữ liệu cho ngành nước – đã triển khai chương trình thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu cho ngành cấp nước Việt Nam (benchmarking). Đây cũng là điểm khác biệt của Chương trình với các chương trình Benchmarking trước đây (được thực hiện bởi Hội Cấp thoát nước Việt Nam với sự hỗ trợ của WB hoặc WSP - chương trình nước và vệ sinh môi trường). Trong những năm gần đây, vai trò của Bộ Xây dựng đã được định hướng lại từ việc kiểm soát đến đề ra chính sách, theo dõi và giám sát quá trình hoạt động của các công ty cấp nước. Mục tiêu chính Bộ hướng đến cho tới năm 2015 là tỷ lệ bao phủ trên 90% và lượng nước cấp bình quân đầu người đạt 120 lít/người/ngày; tỷ lệ thất thoát giảm xuống dưới 25%. Một mục tiêu đầu tư quan trọng của Bộ Xây dựng là cung cấp các giải pháp cho các công ty nước để tiến tới hoàn thành được các mục tiêu trên. Trong bối cảnh đó, Chương trình benchmarking do Bộ triển khai là một phần của dự án «Phát triển cấp nước đô thị Việt Nam» (thuộc hợp phần D4: Dịch vụ tư vấn hỗ trợ phát triển ngành nước) đã nhận được sự hỗ trợ to lớn của WB. Các dữ liệu được thu thập trên hệ thống benchmarking chính là cơ sở minh bạch hoá việc phục vụ của ngành cấp nước nhằm nâng cao chất lượng



Thứ trưởng Cao Lại Quang chủ trì Hội nghị

dịch vụ, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân là những người thụ hưởng trực tiếp thành quả của chương trình này.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã nghe và thảo luận nội dung của 20 chỉ số cung cấp nước được đề xuất trong dự thảo, bao gồm tỷ lệ người dân (hộ gia đình) được phục vụ; tỷ lệ huy động công suất; lượng nước thất thu; chi phí vận hành; chi phí điện năng so với chi phí vận hành; tỷ lệ nhân công; chất lượng dịch vụ... Các chỉ số được giải thích trong đó có xét hoàn cảnh sao cho phù hợp với chỉ tiêu mà Bộ Xây dựng đưa ra. Ngoài ra, đối với chỉ số có thể tính toán được từ các dữ liệu sẵn có, các dữ liệu này sẽ là cơ sở để Bộ đưa ra những đánh giá và so sánh cần thiết.

Phát biểu trong Hội nghị, ông Dean Cira, Điều phối viên Ban đô thị WB bày tỏ sự lạc quan tin tưởng vào thành công của dự án tại Việt Nam, vì những lợi ích to lớn mà dự án mang lại. Những lợi ích đó theo ông là: giúp cơ quan quản lý quản lý tốt hơn hoạt động của các công ty cấp nước; các đơn vị cấp vốn, các nhà tài trợ tìm được những công ty tiềm năng để đầu tư; các công ty có thể giám sát hoạt động của nhau, từ đó khắc phục những thiếu sót của bản thân, nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động; khách hàng qua đây có thể theo dõi tình hình cấp nước, đề ra những yêu cầu để các công ty cải thiện cung cách phục vụ. Ông Dean Cira cũng bày tỏ mong muốn được hỗ trợ Bộ Xây

dựng và các đơn vị liên quan hoàn thành nhiệm vụ mục tiêu của dự án.

Trong lời phát biểu bế mạc Hội nghị, Thứ trưởng Cao Lại Quang nêu rõ: Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nước là công việc vô cùng cấp thiết, nhất là trong bối cảnh hiện nay: chất lượng nước không ổn định; dịch vụ cung cấp yếu kém; thất thoát nước quá nhiều so với các nước trong khu vực và trên thế giới, trong khi đó tài nguyên nước của Việt Nam không dồi dào; nguồn tài chính cung cấp cho ngành nước còn hạn chế... Thứ trưởng Cao Lại Quang nhấn mạnh: Bộ Xây dựng với sự phối hợp của các

đơn vị tư vấn, các Ban Ngành liên quan quyết tâm thực hiện thắng lợi dự án, dù đây là một công việc khó khăn do liên quan tới tính minh bạch, chính xác của các dữ liệu. Thứ trưởng cũng đánh giá cao nỗ lực của BQL dự án và các bên tư vấn, đánh giá cao sự hỗ trợ quan tâm đến sự phát triển ngành nước Việt Nam của WB; đồng thời đề nghị đơn vị tư vấn tiếp tục chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo trước tháng 6/2012, và BQL có kế hoạch tổ chức triển khai các chương trình tập huấn.

Lệ Minh

Hội nghị các bên liên quan Diễn đàn Đô thị Việt Nam (VUF): “Thảo luận về Đô thị Việt Nam Ứng phó với biến đổi khí hậu (UCR) – Phiên trụ bị Hội nghị Cộng đồng hành động năm 2012”

Sáng ngày 14/12/2011, Bộ Xây dựng phối hợp với Diễn đàn Đô thị Việt Nam tổ chức Hội nghị các bên liên quan Diễn đàn Đô thị Việt Nam (VUF): “Thảo luận về Đô thị Việt Nam Ứng phó với biến đổi khí hậu (UCR) – Phiên trụ bị Hội nghị Cộng đồng hành động năm 2012”. Đây là Hội nghị đầu tiên được tổ chức để hưởng ứng Hội nghị về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc vừa được tổ chức ở Durban, Nam Phi.

Tham dự Hội nghị có bà Phan Thị Mỹ Linh - Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị - Bộ Xây dựng, Trưởng ban điều phối Diễn đàn Đô thị Việt Nam, bà Đỗ Tú Lan – Phó Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị cùng với sự tham gia của các thành viên VUF, đại diện UN Habitat, ISET/NISTPASS, ADB, Word Bank, UNDP, JICA, GIZ, IMV, MPI, VNU, CEPSSD...

Tại Hội nghị, đại diện của các tổ chức quốc tế, các chuyên gia, các nhà nghiên cứu đã tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm về những vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu. Trước những hậu quả to lớn do biến đổi khí hậu gây ra, các ý kiến và quan



Toàn cảnh Hội nghị

điểm của các đại biểu đưa ra đều đề cao việc ứng phó và giảm thiểu các tác động gây ra do biến đổi khí hậu tại các đô thị nói chung và các đô thị ven biển của Việt Nam nói riêng, từ đó thảo luận về các cách thức hành động để tìm ra giải pháp nhằm ứng phó và giảm thiểu những tác động về biến đổi khí hậu.

Hội nghị lần này đã thảo luận về các vấn đề trọng tâm hướng đến chương trình Hội nghị Cộng đồng hành động UCR Quý I/2012 và các hành động trọng tâm khác của VUF năm 2012.

Kim Nhạn

Bí quyết thi công các công trình bê tông phức tạp

Các dự án xây dựng đang đứng trước sự thách thức về sự phức tạp của các kết cấu xây dựng từ nhà kiểu tháp cho đến đường sá. Do vậy, các nhà thầu luôn đề nghị các nhà cung cấp thiết bị hỗ trợ mình khắc phục những phức tạp về mặt kỹ thuật nảy sinh, nâng cao chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư và rút ngắn thời gian xây dựng.

Ví dụ điển hình cho hình thức hợp tác nêu trên là việc xây dựng Trung tâm Absolute World City Center tại một trong các thành phố của Canada nơi Cty Peri cung cấp hệ thống ván khuôn nâng được bảo vệ RCS sử dụng cho việc thi công một công trình phức tạp. Đó là các tòa nhà siêu cao tầng kiểu tháp chiều cao tương ứng là 170 mét và 150 mét và phần thân nhà có khả năng quay được. Dọc theo chiều cao của tòa nhà trong điều kiện vận tốc vòng quay của các tầng của tòa nhà phía Bắc không đổi và sự thay đổi của các tầng của tòa nhà phía Nam tạo ra hình ảnh dường như các tòa nhà này bị vặn xoắn khiến kết cấu trở nên rất phức tạp. Do vận tốc quay của các tầng khác nhau, Cty Peri đã đưa ra 2 phương pháp nâng ván khuôn bằng sử dụng các thiết bị mô đun tiêu chuẩn đã được chuyển đổi để đáp ứng các yêu cầu thiết kế và hình dáng hình học của công trình.

Mặt bằng tầng dưới của tòa tháp phía Nam có hình ellip và khi đạt đến tầng 56 thì mặt bằng tầng này đã quay được một góc là 208° , tương đương mức chênh lệch góc quay giữa các tầng bằng $3^\circ - 8^\circ$. Trong quá trình thi công, ván khuôn nâng được bao che hoàn toàn bởi 3 tầng phía trên nhằm tạo ra khu vực thi công an toàn. Đặc biệt không sử dụng cần cẩu để nâng ván khuôn mà thông qua hệ thống tự nâng thủy lực do Cty chế tạo.

Tòa tháp phía Bắc cao 50 tầng được khởi công chậm hơn tòa nhà phía Nam một vài tháng và là một công trình không gặp những vấn đề phức tạp do các tầng được xoay đi một



Các tòa nhà siêu cao tầng tại Trung tâm Absolute World City Center (Canada)

góc không đổi bằng 4° . Đối với công trình có mặt bằng hình ellip này Cty Peri đã đưa ra phương án hệ thống ván khuôn nâng được bảo vệ RCS rẻ hơn.

Đơn vị tổng thầu của công trình là Cty Dominus Construction có trụ sở gần thành phố Toronto. Cty Premform Ltd. của thành phố Toronto là nhà thầu thi công tòa tháp.

Tại khu thương mại mới Europarco của thành phố Rôma - thủ đô của Italia đang triển khai xây dựng 2 tòa nhà cao tầng là Europarco cao 110 mét và Eurosky cao 120 mét kỳ vọng trở thành tòa nhà cao nhất thành phố.

Đơn vị tổng thầu Cty Parsitalia Construzioni SRL sử dụng ván khuôn do Cty Doka sản xuất kể cả hệ thống ván khuôn nâng SKE50 và SKE100 và tấm chắn bảo vệ do chính Cty chế tạo để thi công các công trình trên.

Tại thành phố Sanchiago nhà thầu Cty Constructora International sử dụng ván khuôn Efcô cho việc thi công kéo dài đường tàu điện ngầm thứ 5 của thành phố. Hợp đồng xây dựng nhà ga Estacion Del Sol - một trong 7 nhà ga của tuyến đường tàu điện ngầm khác bao gồm cả việc nhà cung cấp ván khuôn cần phải đưa vào sản phẩm nhiều sự thay đổi khác về kết cấu nhằm bảo đảm cường độ và chất lượng cao cho bề mặt của bê tông sau khi tháo dỡ ván khuôn.

Việc kết hợp các hệ thống ván khuôn Hand-E-Form và Super Stud được áp dụng trong đổ bê tông tường. Thi công cột và trần ngăn được thực hiện với các hệ thống ván khuôn Plate Girder và E-Z Deck. Nhà ga có 3 tầng với tổng diện tích sử dụng là 10.000 m² được xây dựng tại chiều sâu 17 mét.

Tại Đức Cty Meva cung cấp ván khuôn nâng KLK230 cho công tác sửa chữa đập Klingenberg được xây dựng vào năm 1914 và đã bị hỏng trong trận lụt xảy ra vào năm 2002. Để khôi phục đập các chuyên gia thiết kế một dầm chuyên dụng có thể lắp đặt trên các neo được gắn vào thân đập bê tông. Các thanh neo cần phải duy trì được vị trí luôn song song với nhau trong điều kiện sự cong của thân đập do đó trong kết cấu của dầm cũng đã phải tính đến yếu tố này.

Công tác sửa chữa bao gồm cách nước cho phần thượng lưu của đập và thi công hệ thống thoát nước mới. Việc thi công đòi hỏi đổ 4 lớp vật liệu kể cả lớp bê tông dày 40 - 80 cm, một lớp bi tum, một lớp gạch thoát nước rỗng dày 13 cm và lớp bê tông trên cùng dày 40 cm.

Tại Ôman, một trong các công trình của xí nghiệp tuyến quặng sắt trị giá 3,8 tỷ đô la đang được xây dựng là nhà kho dạng tháp cao 35 mét, đường kính 16,4 mét, chiều dày tường phía dưới là 1,5 mét và tường phía trên là 1 mét.

Đơn vị tổng thầu - Cty Galfar Engineering & Controlling đã sử dụng hệ thống ván khuôn tròn do Cty Paschal chế tạo để thi công công trình này. Ván khuôn nâng bảo đảm đổ bê tông 12 lần cho các đoạn cao 3 mét. Việc đổ bê tông được thực hiện ban đêm do ban ngày nhiệt độ lên đến trên 40^o C.

Tuy nhiên, không chỉ xây dựng cao tầng đang đặt ra thách thức cho các nhà chế tạo thiết bị xây dựng. Tại Ôxtrâyliya, dự án bảo đảm an toàn đường sá đòi hỏi xây dựng các rào chắn khác thường bằng bê tông thông qua sử dụng ván khuôn trượt trên con đường ô tô chạy ngoằn ngoèo Builli Pass gần thành phố Sydney.

Trước sự nguy hiểm do các xe ô tô tải lao ra khỏi đường, chính quyền địa phương quyết định xây tường chắn cao 2 mét cho đường; tường được neo gắn vào cọc bê tông tiết diện 1m x 1m và cọc lại được tỳ vào cọc khác hạ sâu 8 mét. Cty tổng thầu BMD Construction giao lại hợp đồng cho thầu phụ Nation Wide Slipforming thực hiện. Thầu phụ đã sử dụng thiết bị đổ bê tông liên tục Power Curber 5700-C-MAX để đẩy nhanh tiến độ thi công và bảo đảm thời gian tạm dừng lưu thông của phương tiện giao thông ở mức ngắn nhất.

Thiết bị di chuyển với vận tốc 30 đến 40 mét/phút bảo đảm sự đầm rung ở mức cần thiết và mức đầm chặt của vữa bê tông. Trọng lượng của ván khuôn tạo hình bằng 3,5 tấn và số lượng máy đầm rung là 9.

Cty Wirtgen đã chế tạo hệ thống giám sát mới Autopist 3D cho máy đổ bê tông mặt đường kiểu SP15 và SP25. Theo Cty, thiết bị giám sát hoạt động của máy đổ bê tông nổi bật với sự bảo dưỡng, phục vụ đơn giản, chi phí thấp, bảo đảm sự chính xác của công việc đổ bê tông lớp áo đường mà không bị phụ thuộc vào biên dạng đường cũng như độ cong của tuyến.

Hệ thống gồm có máy tính được lắp đặt trực tiếp lên máy đổ bê tông và bàn điều khiển. Hai thiết bị thu tín hiệu từ hệ thống định vị vệ tinh GPS được lắp trên anten của máy và được kết nối với trạm cơ sở đặt tại công trường. Việc lập trình cho hệ thống chỉ cần có một vài phút. Người điều khiển máy chỉ cần lựa chọn cấu hình tiết diện ngang của áo đường, chiều dài, chiều rộng và bán kính.

Một năm trước, Cty Putzmeister cung cấp thiết bị cho việc thi công nút giao cắt của các đường ô tô nhỏ A9 và A12 tại phía Bắc thành phố Munchen. Công tác thi công cần phải được hoàn thành vào tháng 10/2011 đòi hỏi bảo đảm khả năng tiếp cận lớn nhất của tay với máy bơm cung cấp vữa bê tông. Hai máy bơm bê tông loại lớn do Cty chế tạo được lắp các tay với kéo dài model M58-5 và M62-6 đã được nhà thầu

Hentschke Bau sử dụng cho việc thi công xây dựng cầu vượt đường có 2 đường dốc thay cho một đường dốc hiện có.

Những ví dụ về các công trình và thiết bị mới nêu trên cho thấy nhà sản xuất đang đáp ứng nhu cầu của các nhà thầu kể cả những yêu cầu về kết cấu do việc xây dựng các công trình bê tông có độ phức tạp tăng cao. Sự đáp ứng này

không chỉ về thiết bị mà cả về sự cung cấp dịch vụ và sự hỗ trợ mà nhà sản xuất dành cho lĩnh vực này và đang góp phần thi công thành công các công trình phức tạp.

Aleksandr Ananyev và Gennady Ruchagov

Nguồn: Báo Xây dựng Nga, số 33/2011

Dịch và biên tập: Huỳnh Phước

Yêu cầu cơ bản của đô thị sinh thái ít ô nhiễm và con đường phát triển

Hiện nay, Chính phủ các nước trên thế giới đều hết sức quan tâm vấn đề phát triển kinh tế ít ô nhiễm như thế nào. Đối với Trung Quốc, không thể lý giải một cách đơn thuần phát triển kinh tế ít ô nhiễm là phát triển kinh tế với nguồn năng lượng mới, cũng không thể chỉ quan tâm tới việc ngành chế tạo nhanh chóng đào thải những công nghệ sản xuất lạc hậu tiêu hao nhiều năng lượng, ô nhiễm nghiêm trọng, mà còn phải xem xét lại phương thức sinh hoạt, phương thức tiêu dùng, chuyển hướng theo mục tiêu kinh tế ít ô nhiễm từ các khâu nhỏ nhất trong tập quán sinh hoạt tới quản lý hệ thống đô thị đều cần phải chú ý tiết kiệm năng lượng, giảm bớt cả chất thải, giữ cho chúng phát triển bền vững. Đó mới là cách lý giải toàn diện hàm nghĩa khoa học của “nền kinh tế ít ô nhiễm”.

I. Nội dung cơ bản xây dựng và quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm

1. Nội hàm của đô thị sinh thái ít ô nhiễm

Đô thị sinh thái ít ô nhiễm là môi trường đô thị hài hòa ít ô nhiễm, hiệu quả cao được xây dựng theo nguyên lý sinh thái học. Trong môi trường này, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội được phát huy triệt để, đồng thời hiệu quả sinh thái cũng được coi trọng. Nó vận dụng trí tuệ củanhân loại để phân tích sinh thái tự nhiên và kinh tế xã hội, tạo ra môi trường (đô thị) dung hòa khoa học kỹ thuật với tự nhiên, đạt được mục đích tối ưu hóa hoạt động của con người, nhằm phát huy tinh thần sáng tạo của loài

người, không ngừng thúc đẩy sức sản xuất, liên tục nâng cao chất lượng đời sống, tinh thần và vật chất của con người.

Đô thị sinh thái ít ô nhiễm là một đô thị kinh tế phát triển, xã hội tiến bộ, cân bằng sinh thái, phát triển hài hòa giữa khoa học kỹ thuật và tự nhiên tạo nên môi trường trong lành, sạch đẹp, với nguyên tắc lấy con người làm gốc để phát huy sức sáng tạo của con người, hướng tới phát triển đô thị bền vững và nâng cao trình độ văn minh đô thị. Đô thị sinh thái ít ô nhiễm là sản phẩm của một giai đoạn phát triển nhất định trong lịch sử loài người, tượng trưng cho đô thị phát triển, văn minh và hiện đại. Hiện nay, tuy chưa có định nghĩa thống nhất về đô thị sinh thái ít ô nhiễm, nhưng nó có mối liên hệ mật thiết với các khái niệm như “thành phố xanh”, “thành phố non nước”, “thành phố lành mạnh”, “thành phố công viên”, “thành phố gương mẫu về bảo vệ môi trường”, “thành phố vệ sinh”..., cũng có người lý giải nó là hình thức tổ chức không gian phù hợp cho loài người cư trú, tương ứng và hài hòa với thời đại văn minh của loài người, phát triển bền vững toàn diện.

2. Tiêu chí và nét đặc trưng của đô thị sinh thái ít ô nhiễm

Có thể khái quát tiêu chí đô thị sinh thái ít ô nhiễm như sau: về nội dung, trọng tâm là lấy con người làm gốc, tôn trọng quy luật phát triển của xã hội loài người, quy luật phát triển kinh tế và quy luật cân bằng sinh thái; về phương thức vận hành, phát triển toàn diện kinh tế, xã hội và

sinh thái, lưu thông hợp lý, sử dụng với hiệu quả cao vật chất, năng lượng và thông tin; về không gian, xây dựng nên môi trường và công trình cư trú thoải mái nhất cho loài người; về thời gian, thực hiện sự phát triển bền vững.

Có thể lý giải nét đặc trưng của đô thị sinh thái ít ô nhiễm như sau: a – Lấy con người làm gốc, phù hợp cho loài người cư trú nhất; b – Cơ cấu tối ưu hóa, tức là tối ưu hóa cơ cấu xã hội, tối ưu hóa sinh hoạt và môi trường sinh thái, tối ưu hóa quản lý vận hành; c – Tính hài hòa, tức là kinh tế xã hội phát triển hài hòa với sinh thái tự nhiên, con người hài hòa với tự nhiên; d – Tính hiệu quả cao, tức là sử dụng và tái sử dụng tài nguyên một cách có hiệu quả cao, giảm bớt đáng kể lượng chất thải xả ra môi trường; e – Thúc đẩy toàn khu vực phát triển, đô thị sinh thái ít ô nhiễm phát huy tác dụng thúc đẩy và ảnh hưởng; g – Hệ thống đô thị phát triển toàn diện, cân đối và bền vững.

3. Cấu trúc hệ thống đô thị sinh thái ít ô nhiễm

Xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm là công tác cực kỳ phức tạp, có nhiều nội dung liên quan, phạm vi rộng, thời gian dài, phát triển đô thị sinh thái ít ô nhiễm lấy con người làm trọng tâm, thể hiện nguyên tắc con người và tự nhiên chung sống hài hòa, cùng phát triển cân đối, có thể khái quát thành kinh tế, tài nguyên, xã hội, môi trường và quản lý thể chế cùng phát triển hài hòa.

Môi trường, tài nguyên và kinh tế, xã hội liên hệ mật thiết với nhau, môi trường là nền tảng để kinh tế phát triển và xã hội tiến bộ, kinh tế phát triển có tác dụng chủ đạo đối với biến đổi môi trường, biến đổi môi trường có tác dụng ngược trở lại đối với kinh tế phát triển, tận dụng tài nguyên với hiệu quả cao là điều kiện tất yếu của phát triển bền vững, trọng tâm của nó là lấy con người làm gốc, mục tiêu cuối cùng là nâng cao mức sống của mọi người, sợi dây liên lạc để chính quyền phát huy tác dụng là hệ thống quản lý và thể chế.

4. Đặc tính của đô thị sinh thái ít ô nhiễm

Thuộc tính của đô thị sinh thái ít ô nhiễm phải là tính hài hòa trong phát triển sinh thái. Đô thị sinh thái ít ô nhiễm theo đuổi mục tiêu bố trí tối ưu hóa nguồn tài nguyên, hiệu quả cao và lợi ích lớn nhất, giảm bớt tối đa mức tiêu hao năng lượng, sử dụng tài nguyên, tạo nên giá trị sản lượng lớn nhất. Kinh tế xã hội phát triển phải nằm trong phạm vi chấp nhận của môi trường sinh thái, tự động điều tiết cân bằng sinh thái. Chỉ có như vậy, mới không gây ảnh hưởng bất lợi tới phát triển bền vững. Trong đó, tri thức khoa học kỹ thuật là quan trọng nhất, ứng dụng khoa học kỹ thuật cao có tác dụng đem lại hiệu quả sinh thái chủ yếu giảm tiêu hao vật chất, thúc đẩy phát triển kinh tế sinh thái.

II. Phát triển và quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm cần có sự phối hợp chung của chính quyền, thị trường và nhân dân

1. Tính bền vững trong phát triển của đô thị sinh thái ít ô nhiễm

Phát triển kinh tế ít ô nhiễm cần phải xem xét phương thức sinh hoạt, mô thức tiêu dùng của chúng ta thay đổi để phù hợp với mục tiêu của nền kinh tế ít ô nhiễm như thế nào, khiến cho toàn bộ hệ thống đô thị tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu xả chất thải, giữ gìn tính bền vững trong phát triển của chúng. Công cuộc công nghiệp hóa với tiêu chí là tiêu hao nhiều năng lượng dầu mỏ và ô nhiễm khiến cho sự tồn tại của loài người bị đe dọa. Xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm, phát triển theo hướng bền vững là xu thế lớn của phát triển kinh tế xã hội. Phát triển và quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm cần có tác dụng chung của chính quyền, thị trường và nhân dân, sáng tạo ra chế độ chính quyền quản lý, tăng cường chức năng quản lý và phục vụ công cộng cho xã hội của chính quyền, tích cực phát huy tác dụng cơ sở của thị trường trong bố trí tài nguyên, đồng thời thực hiện kinh tế phát triển, xã hội tiến bộ, bảo vệ môi trường. Tuy chủ thể phát triển đô thị sinh thái ít ô nhiễm là người dân thành phố, nhưng không thể đặt toàn bộ

trách nhiệm thực hiện một cuộc sống ít ô nhiễm lên vai người dân thành phố – những tế bào đơn nhất của xã hội. Chính vì có quan hệ mật thiết với các mặt của phát triển đô thị nên thực hiện nền kinh tế ít ô nhiễm càng cần có sự cố gắng chung của chính quyền, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, cộng đồng, trường học, gia đình và cá nhân người dân thành phố. Quan niệm quản lý đô thị đã chuyển biến từ quan niệm truyền thống và đơn nhất là chính quyền thành phố quản lý sang quan niệm áp dụng lý luận quản lý công cộng hiện đại, xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm, thực hiện sự phát triển bền vững kinh tế và xã hội đô thị.

2. Mức độ tham gia của quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển bền vững của đô thị sinh thái ít ô nhiễm

Hiến pháp và pháp luật Trung Quốc quy định rõ ràng về việc nhân dân tham gia vào công việc của Nhà nước, công tác quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm cần phải phát huy tác dụng của mọi mặt của xã hội, thể hiện yêu cầu chính quyền quản lý là chủ đạo, xã hội tích cực tham gia, thực sự khiến cho công tác quản lý đô thị trở nên dân chủ, khoa học, công khai và minh bạch. Chính quyền điều tiết vĩ mô, bố trí cơ sở thị trường và quần chúng nhân dân tích cực tham gia, sự kết hợp này sẽ khắc phục được những khuyết điểm của mô thức đơn nhất, từ đó đạt được mục tiêu tối ưu hóa chức năng quản lý đô thị. Cơ chế thị trường là động lực thúc đẩy phát triển đô thị, phát huy tác dụng bố trí mang tính cơ sở, chính quyền tiến hành quản lý đô thị thông qua điều tiết vĩ mô, cung cấp sản phẩm công cộng và dịch vụ công cộng, có thể cân đối thị trường, bổ sung những thiếu sót của thị trường, bố trí tối ưu hóa tài nguyên, điều chỉnh mối quan hệ cung cầu, duy trì trật tự kinh tế, điều tiết lợi ích của các bên, tăng cường phúc lợi xã hội, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, giữ gìn xã hội ổn định. Đồng thời, đô thị sinh thái ít ô nhiễm là một xã hội phồn vinh, sinh thái và nhân văn, vì vậy các công tác như trân trọng tài nguyên, bảo vệ môi trường, quý trọng

sinh mạng, phát triển hài hòa, bảo vệ các loài sinh vật, giám sát chấp pháp môi trường, kiến nghị chính sách... đều không thể tách rời sự tham gia tích cực của quần chúng nhân dân. Cho nên, khuyến khích quần chúng nhân dân tham gia là nội dung không thể thiếu để xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm, hưởng thụ cuộc sống trong lành, thể hiện nguyên tắc lấy con người làm gốc, thúc đẩy xã hội tiến bộ, quán triệt dân chủ và khoa học, khiến cho đô thị phát triển bền vững. Năm 2003 thắng lợi của cuộc chiến chống dịch SARS đã chứng minh rõ, chính quyền khó có thể khống chế được dịch SARS nếu chỉ dựa vào nghiên cứu, quản lý, sự tham gia tích cực của người dân có tác dụng rất quan trọng trong những trường hợp nguy cấp như vậy. Xét về phát triển và quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm, phát huy tác dụng chung của chính quyền, toàn xã hội và nhân dân là điều hết sức quan trọng.

III. Muốn phát triển và quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm, cần sáng tạo chế độ mới

1. Sáng tạo chế độ quản lý công cộng

Trung Quốc cần phải sáng tạo chế độ quản lý công cộng, chỉ có sáng tạo mới có thể duy trì được mục tiêu xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm. Sáng tạo có thể được phân loại thành sáng tạo bước đầu, sáng tạo tổng hợp và tái sáng tạo.

a) Sáng tạo bước đầu là sáng tạo đặt nền móng vững chắc cho phát triển trong tương lai, thuộc tính bản chất của nó là tính khởi thủy và đầu tiên.

b) Sáng tạo tổng hợp là vận dụng khoa học kỹ thuật thông tin, kỹ thuật quản lý và công cụ để chọn lựa, tối ưu hóa và tổng hợp có hệ thống mọi yếu tố sáng tạo, nội dung sáng tạo, qua đó chiếm lĩnh nhiều thị phần hơn, tạo ra nhiều lợi ích kinh tế hơn.

c) Thu hút, triển khai tái sáng tạo là hình thức sáng tạo thường thấy nhất, cơ bản nhất. Khái niệm trọng tâm của nó là lợi dụng khoa học kỹ thuật sẵn có, hoàn thành sáng tạo trên cơ sở

triển khai trong thực tiễn. Thu hút, triển khai, tái sáng tạo là phương thức mà các nước – đặc biệt là các nước đang phát triển thường áp dụng, đó cũng là một trong những khâu còn non yếu nhất của Trung Quốc. Chính vì vậy, các cấp chính quyền phải chú ý học tập kinh nghiệm quản lý thành công trong và ngoài nước như coi trọng phân tích hiệu quả giá thành, quản lý chất lượng toàn diện, đánh giá hiệu quả một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả hành chính...

2. Sáng tạo chế độ quản lý của chính quyền

Sáng tạo chế độ quản lý của chính quyền chính là tăng cường chức năng quản lý xã hội và phục vụ công cộng của chính quyền thành phố, tích cực phát huy tác dụng cơ sở của thị trường trong bố trí tài nguyên, đồng thời thực hiện kinh tế phát triển, xã hội tiến bộ và bảo vệ môi trường.

a) Xây dựng và quy phạm hệ thống pháp luật về phát triển, quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm. Nhằm tạo nên một đô thị sinh thái ít ô nhiễm có hiệu quả kinh tế và hiệu quả môi trường thì điều quan trọng là phải đưa được các văn bản quy phạm pháp luật đi vào cuộc sống. Triển khai xây dựng hệ thống pháp luật pháp quy phát triển, quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm, phải lấy lý luận phát triển khoa học làm tư tưởng chỉ đạo, kiên trì các nguyên tắc như xuất phát từ thực tế, tiến hành một cách tuần tự có kế hoạch, làm nổi bật trọng điểm, đồng thời quan tâm các khâu khác..., từng bước xây dựng hệ thống pháp quy kinh tế hoàn thiện.

b) Dựa vào tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng cường năng lực phát triển liên tục của các ngành. Xuất phát từ góc độ điều chỉnh từ gốc, cần phải quan tâm tới yếu tố bảo vệ môi trường ngay từ khi bắt đầu lập dự án, đồng thời cần nhanh chóng cải tạo kỹ thuật bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp hiện có; cần phải tăng cường phổ biến và ứng dụng các thành quả khoa học kỹ thuật ưu tú về bảo vệ môi trường, thu hút, hợp tác và trực tiếp áp dụng kỹ thuật

bảo vệ môi trường tiên tiến trên thế giới. Chính quyền thành phố cần phát huy tác dụng điều tiết vĩ mô ở các mặt như chính sách, tiền vốn...

c) Cần đồng thời coi trọng xử lý môi trường và mở rộng công ăn việc làm. Không thể áp dụng theo hai mô thức “phát triển trước, xử lý sau” và “vừa phát triển, vừa xử lý”, doanh nghiệp cần phải “sản xuất sạch”, biện pháp hữu hiệu là từng bước phát triển công ăn việc làm trong khi xử lý môi trường, mấu chốt trong đó là điều chỉnh cơ cấu.

d) Kết hợp chính quyền giám sát quản lý và quần chúng nhân dân tham gia. Không thể hình thành cục diện toàn xã hội nhất trí hành động bảo vệ môi trường sinh thái nếu không có sự tham gia của quần chúng. Đồng thời, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp vừa phải dựa vào tự giác thực hiện, vừa phải dựa vào các giới trong xã hội giám sát và đánh giá.

e) Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tiến vào thị trường tiền vốn và triệt để lợi dụng thị trường này. Xây dựng và quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm cần có nhiều tiền vốn đầu tư, không thể chỉ dựa vào chính phủ đầu tư, cần phải khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tiến vào lĩnh vực mới như năng lượng mới, vật liệu mới, bảo vệ môi trường, khoa học kỹ thuật sinh học, sáng tạo công nghệ mới.... Đồng thời, trên thị trường tiền vốn, cần khuyến khích các doanh nghiệp có cống hiến cho sáng tạo kỹ thuật.

f) Kết hợp biện pháp kinh tế với các biện pháp khác, thực hiện thị trường hóa công tác hạn chế và xử lý ô nhiễm đô thị. Tiến hành kết hợp tối ưu hóa các biện pháp quản lý kinh tế và môi trường hiện hành, công tác quản lý ô nhiễm phải từng bước thực hiện “ai gây ô nhiễm, người đó phải xử lý ô nhiễm”, “ai gây ô nhiễm, người đó phải trả tiền”.

Chu Quế Hương

*Nguồn: T/C “Xây dựng đô thị và nông thôn”
số 5/2011*

ND: Hoàng Thế Vinh

Quan điểm về tiết kiệm nước của Chính quyền thành phố Thường Đức, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc

Thành phố Thường Đức thuộc tỉnh Hồ Nam, nằm trong khu vực vùng hồ Tây Bắc, gần Nguyên Giang, bên bờ Động Đình, là khu vực có nhiều ao hồ, sông ngòi, hằng năm lượng nước mưa bình quân khoảng 1.500mm. Tuy có nguồn nước phong phú, nhưng những năm gần đây, thành phố Thường Đức vẫn quán triệt chủ trương tiết kiệm nước, bằng cách áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất và đời sống, sử dụng nước một cách có khoa học, không những đảm bảo lượng nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt mà còn đảm bảo cho sự phát triển kinh tế bền vững toàn diện của vùng. Năm 2010, lượng nước sử dụng trong sản xuất của khu vực Vạn Nguyên thuộc thành phố Thường Đức tính bình quân là 17,65 m³, lượng nước dùng trong sản xuất công nghiệp bình quân tăng 13,63 m³, thấp hơn nhiều so với lượng nước sử dụng bình quân trên cả nước.

1. Tăng cường ý thức, quan niệm sử dụng nước tiết kiệm

Nước là nguồn tài nguyên quý báu của cuộc sống sinh hoạt, sản xuất, và của tự nhiên. Thành ủy, Chính quyền thành phố Thường Đức đã tích cực chỉ đạo đưa các sáng kiến về tiết kiệm nước vào đời sống sinh hoạt cũng như sản xuất của người dân, hướng dẫn doanh nghiệp và người dân có ý thức trong việc sử dụng nước tiết kiệm, quý trọng và bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường. Đầu tiên là tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức sử dụng nước của cả cộng đồng. Hằng năm vào những ngày “Ngày Nước thế giới”, “Ngày Môi trường thế giới”, “Tuần lễ Nước Trung Quốc”, “Tuần lễ Tuyên truyền tiết kiệm nước ở các đô thị của Trung Quốc”, chính quyền thành phố và các đơn vị liên quan đều tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền với nhiều chủ đề, nội dung liên quan đến sử dụng nước tiết kiệm, hướng dẫn

người dân đô thị quan tâm đến cách sử dụng nguồn nước, bảo vệ nguồn nước, và kêu gọi người dân đưa ra các sáng kiến sử dụng nước tiết kiệm. Tiếp theo là tăng cường hoạt động trên mọi phương diện, mọi đơn vị, hạn chế tối đa việc kêu gọi rồi để đấy của các tổ chức, cá nhân. Trong các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, khu dân cư, các tổ chức đoàn thể các cấp tập hợp và bầu ra Ban Quản lý sử dụng nước, các hội viên sẽ tham gia vào các hoạt động tuyên truyền thường xuyên tại các địa điểm mà họ sinh hoạt, tránh để tình trạng dân biết nhưng không làm, hoặc nghe nhưng không theo. Đồng thời các hội viên cũng tích cực nâng cao ý thức cộng đồng bằng cách tổ chức các buổi hội thảo, diễn thuyết nhấn mạnh vai trò của mỗi cá nhân đối với cộng đồng và sự phát triển của đô thị, tiếp cận với các tầng lớp nhân dân từ già đến trẻ, từ trí thức đến công nhân, nông dân, nêu cao lợi ích của nguồn nước cũng như việc bảo vệ và tiết kiệm nguồn nước trong ý thức của từng người, hình thành thói quen tốt trong xã hội, để mọi người cùng có chung nhận thức “Dù là nơi có nguồn tài nguyên nước phong phú thì cũng vẫn phải biết tiết kiệm”.

2. Tăng cường ý thức tuân thủ luật pháp của người dân, đẩy mạnh chính sách tiết kiệm nước

Chính quyền thành phố ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật có nội dung về quản lý, sử dụng và cung cấp nước. Một là duy trì thực thi theo văn kiện và kế hoạch đã được ban hành. Bốn nội dung chính trong kế hoạch sử dụng nước lâu dài của thành phố Thường Đức từ năm 2010 đến 2030 gồm: cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, tiết kiệm nước, trong đó trọng điểm là ổn định nguồn nước cung cấp lâu dài, đều đặn cho thành phố. Hai là hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy. Sửa đổi, bổ

sung và công bố các văn bản “Các biện pháp quản lý sử dụng nước tiết kiệm của thành phố Thường Đức”, “Các biện pháp quản lý cấp nước của thành phố Thường Đức”, “Các biện pháp quản lý nguồn nước ngầm của thành phố Thường Đức”, đi kèm với việc ban hành hệ thống văn bản quy phạm khác gồm “Chính sách đầu tư tiết kiệm nước của thành phố Thường Đức”, “Chính sách thống kê tiết kiệm nước của thành phố Thường Đức”, “Chính sách quản lý đồng thời đầu tư, thiết kế, thi công cho hệ thống tiết kiệm nước của thành phố Thường Đức”, các văn kiện đưa ra tập hợp lại thành một hệ thống văn bản pháp quy hoàn thiện và có tính thực thi cao. Ba là chú trọng công tác thi hành theo pháp luật. Các đơn vị có liên quan cần nghiêm túc thực thi theo quy định của pháp luật trong việc thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu các dự án, hạng mục công trình kiến trúc, đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng, thiết kế hệ thống sử dụng nước tiết kiệm và xử lý nước thải. Thường xuyên triển khai các đoàn công tác kiểm tra việc sử dụng và xử lý nước tại các khu vực, trong 3 năm qua chính quyền thành phố đã xử lý 33 điểm vi phạm và nghiêm cấm 25 điểm sử dụng nguồn nước ngầm.

3. Tăng cường ý thức bảo vệ, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hợp lý

Chính quyền thành phố đã tăng cường đầu tư cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý nước thải, nước ô nhiễm và hệ thống tích trữ nước mưa. Trong vòng 3 năm gần đây, chính quyền các cấp đã đầu tư khoảng 820 triệu NDT, trong đó có 4 khu vực nguồn vốn đầu tư cho việc cải tạo và xây mới cơ sở hạ tầng tiết kiệm nước là 94 triệu NDT, 4 triệu NDT đầu tư cho việc xây dựng hệ thống sử dụng tích trữ nước mưa của 10 khu dân cư. Một là tối ưu hóa mạng lưới cấp thoát nước. Đầu tư 120 triệu NDT cho việc kiểm tra, bảo trì, cải tạo và xây mới 19,8 km đường ống cấp thoát nước, hệ thống thoát nước trong toàn thành phố được cải tạo phân thành 2 hệ thống thoát nước mưa và nước thải. Tích cực

thực thi chính sách “Mỗi hộ dân 1 đồng hồ”, trước mắt mục tiêu là 85% hộ gia đình được lắp đồng hồ nước, hạn chế việc thất thoát nước đạt 13,7%. Hai là tập trung xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Kế hoạch hành động 3 năm xây dựng cơ sở xử lý nước thải đến nay đã có được nhiều tiến triển, 334 triệu NDT là con số dùng để đầu tư nhà máy xử lý nước thải cho 2 khu vực là Giang Nam và Đức Sơn, mỗi ngày xử lý được khoảng 30 nghìn m³ và 100 nghìn m³ nước thải, lượng nước thải trong toàn thành phố được xử lý năm 2007 là 71,53% đến năm 2010 con số đó đã tăng lên là 84,9%, tỷ lệ nước tái sử dụng đạt 48,48%, tỷ lệ nước tái sử dụng lần 2 đạt 27,75 triệu m³. Ba là làm sạch hệ thống nước toàn thành phố. Chính quyền thành phố đã đầu tư 250 triệu NDT để xử lý toàn bộ hệ thống nước khu vực Giang Bắc, và hợp tác với tập đoàn Hanover của Đức để nhập các thiết bị xử lý nước tiên tiến, học hỏi kinh nghiệm xử lý nước cũng như kinh nghiệm thiết kế quy hoạch tổng thể thành phố, bao gồm cả không gian, cảnh quan và cơ sở hạ tầng điện nước, công trình, đồng thời tiết kiệm tối đa việc sử dụng nước phục vụ các công trình công cộng vòi phun nước, đài phun nước, tưới cây, vệ sinh đường phố...

4. Phát huy tinh thần sáng tạo, tìm tòi áp dụng khoa học kỹ thuật trong công cuộc sử dụng nước tiết kiệm

Khoa học kỹ thuật là nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy sản xuất và tiết kiệm nước trong mọi hoạt động của người dân cũng như doanh nghiệp. Trong quá trình khuyến khích sáng tạo những hình thức tiết kiệm nước, chính quyền thành phố cần nỗ lực trong việc tạo cơ chế đầu tư thông thoáng, cổ vũ tinh thần sáng tạo, mở rộng và phổ cập việc sử dụng những kỹ thuật mới, công nghệ mới vào việc nghiên cứu và lắp đặt các thiết bị máy móc phục vụ cho mục đích sử dụng nước tiết kiệm, để người dân và doanh nghiệp thấy được hiệu quả và lợi ích thực tế từ những việc này. Một là, khuyến khích sáng tạo,

tìm tòi công nghệ, máy móc, kỹ thuật mới. Để làm được điều này chính quyền kêu gọi các doanh nghiệp cần bỏ ra số vốn nhất định cho các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, đặc biệt là dành tiền cho các dự án chuyên về nước, đồng thời chính quyền cũng sẽ có những hình thức động viên, trao bằng khen, và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất bảo vệ môi trường và tiết kiệm nguồn nước. Thời gian qua đã có 01 phát minh tiết kiệm nước được tặng bằng khen và được áp dụng ngay vào thực tế, 8 đề xuất sử dụng nước có tính ứng dụng cao, ngoài ra còn 1 thiết kế đồng hồ đo nước được cấp bằng sáng chế và được bán trên thị trường cả nước. Hai là, phổ cập việc sử dụng các thiết bị máy móc tiết kiệm nước. Chính quyền thành phố đã đầu tư 10 triệu NDT cho việc thay thế các thiết bị, hệ thống nước cũ, lạc hậu trong khu dân cư, một phần tiền dùng để hỗ trợ doanh nghiệp và 3658 hộ gia đình khó khăn trong việc mua thiết bị tiết kiệm nước lắp đặt trong gia đình và nơi sản xuất. Ngoài ra, chính quyền còn đầu tư 2,05 triệu NDT để giải tạo nhà vệ sinh công cộng, 194 nhà vệ sinh

công cộng trên toàn thành phố đã đạt tiêu chuẩn tiết kiệm nước. Năm 2010, chương trình phổ cập thiết bị tiết kiệm nước ở thành phố Thường Đức đạt 100%, bình quân lượng nước dùng hàng ngày của mỗi gia đình đã giảm xuống 136,3 lít. Ba là, tăng cường việc áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến. Chính quyền thành phố đã tổ chức thành công Hội thảo “Giới thiệu thành quả khoa học kỹ thuật trong công tác tiết kiệm nước của Thành phố Thường Đức”, sử dụng máy phun hơi nước năng lượng mặt trời để rửa xe thay cho hình thức rửa xe truyền thống tiết kiệm nước được 80%, hệ thống thoát nước tại các trung tâm thương mại và khu dân cư được thiết kế cùng tầng tiết kiệm được 20% nước. Để tiết kiệm được nhiều nước hơn thì đòi hỏi chính quyền địa phương và người dân, cũng như doanh nghiệp cần nỗ lực hơn nữa, và nâng cao hơn nữa ý thức sử dụng nước tiết kiệm.

Vương Lôi

Nguồn: T/C Xây dựng đô thị - nông thôn TQ

Số 8/2011

ND: Khánh Ly - Quỳnh Anh

Nghiên cứu so sánh ba mô hình quản lý chi phí xây dựng công trình

Từ những năm 80 của thế kỷ 20 trở lại đây, công tác quản lý chi phí xây dựng công trình bước vào giai đoạn hiện đại hoá, mô hình quản lý chi phí công trình thời hiện đại hoá đã từng bước hình thành đồng thời thay thế mô hình truyền thống. Trong đó, có một số mô hình tiêu biểu như: quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình của các học giả quản lý chi phí công trình Trung Quốc; quản lý chi phí toàn bộ chu kỳ vòng đời công trình xây dựng của các học giả quản lý chi phí công trình nước Anh; quản lý toàn diện chi phí công trình xây dựng của các học giả quản lý chi phí công trình nước Mỹ. Bài viết này tiến hành một số nghiên cứu thảo luận đối với ba mô hình quản lý khác nhau

về chi phí công trình trong thời kỳ hiện đại hoá.

1. Quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình

Quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình chỉ việc tiến hành xác định hợp lý và kiểm soát hiệu quả chi phí công trình bắt đầu từ giai đoạn quyết sách hạng mục đến khi kết thúc các giai đoạn hoàn công, nghiệm thu và bàn giao sử dụng, bao gồm 6 giai đoạn: ước tính đầu tư, dự toán thiết kế, dự toán bản vẽ thi công, giá hợp đồng gọi thầu, tính toán hoàn công và quyết toán hoàn công.

1.1. Sự phát triển của công tác quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình

Cùng với sự phát triển trong quản lý chi phí công trình xây dựng, mọi người dần dần nhận thấy, chỉ dựa vào việc quản lý chi phí khi kiểm soát giản đơn dự toán trong giai đoạn thi công là không bao giờ đủ và không thể nào đáp ứng được các yêu cầu của việc kiểm soát chi phí và giá thành công trình xây dựng, không đạt được mục tiêu thực sự về tiết kiệm tài nguyên và thực hiện công trình với hiệu quả cao nhất.

Kể từ giữa những năm 80 của thế kỷ 20, những người như Cung Duy Lệ, Từ Đại Đô, Lưu Nhĩ Thành ..., lần lượt đưa ra những ý tưởng khi tiến hành quản lý chi phí toàn bộ quá trình của công trình xây dựng. Sau khi bước vào những năm 90 của thế kỷ 20, những tư tưởng và ý tưởng về quản lý chi phí toàn bộ quá trình công trình đã có được sự đồng thuận rộng rãi trong giới quản lý chi phí công trình toàn Trung Quốc. Những năm gần đây, có thêm rất nhiều nhà quản lý chi phí công trình tiến hành những nghiên cứu sâu hơn về toàn bộ quá trình quản lý chi phí công trình, thúc đẩy sự phát triển trong lý luận của toàn bộ quá trình quản lý chi phí công trình.

1.2. Lý luận về quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình

Trọng tâm tư tưởng trong mô hình quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình là dựa theo phương pháp bám sát các hoạt động để làm tốt công tác xác định và kiểm soát chi phí của công trình. Tức là phân công trình xây dựng thành nhiều các hoạt động, từ đó xác định riêng biệt chi phí công trình đối với từng loại hoạt động đồng thời tiến hành kiểm soát chi phí. Thông qua tối đa hoá hiệu quả đầu tư dự án và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực, tài chính, vật tư... để tiết kiệm chi phí công trình, trong toàn bộ quá trình xây dựng công trình các đơn vị có liên quan cùng phân công hợp tác, đảm nhận tốt những trách nhiệm về việc kiểm soát chi phí trong toàn bộ quá trình xây dựng công trình. Quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình là một phương pháp dùng để xác

định và kiểm soát chi phí công trình, nó nhấn mạnh việc xây dựng công trình là cả một quá trình mà những người trong toàn bộ quá trình này đều phải triển khai công tác quản lý chi phí công trình.

Mục tiêu trong quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình là căn cứ theo các yêu cầu của quy luật nền kinh tế, căn cứ theo tình hình phát triển của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, tận dụng phương pháp quản lý khoa học và cách thức quản lý tiên tiến, xác định một cách hợp lý chi phí công trình và khống chế có hiệu quả chi phí công trình để nâng cao hiệu quả xã hội, hiệu quả kinh tế trong đầu tư và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp lắp đặt xây dựng. Vì vậy, cần bắt đầu từ các công việc tiền đề của công trình xây dựng với phương châm quản lý “toàn bộ quá trình, toàn bộ phương hướng”.

1.3. Tính chất bó hẹp trong quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình

Mặc dù các tư tưởng về quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình của Trung Quốc là tiên tiến nhưng qua những năm tìm tòi nghiên cứu gần đây, hệ thống lý luận và phương pháp của nó vẫn còn tồn tại những chỗ chưa hoàn thiện, đáng chú ý nhất là các vấn đề sâu xa trong quản lý chiều dọc.

Quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình nhấn mạnh chi phí xây dựng của công trình mà không tính đến hoặc tính đến một cách sơ lược về giá thành vận hành kinh doanh và bảo trì trong tương lai. Từ góc độ lâu dài mà nói, cơ sở giá thành vận hành và bảo trì trong tương lai phải lớn hơn nhiều so với chi phí xây dựng của nó, hơn nữa sự cao thấp trong chi phí xây dựng thời kỳ ban đầu tạo ra ảnh hưởng rất lớn đối với sự cao thấp trong giá thành vận hành kinh doanh và bảo trì trong tương lai, chi phí xây dựng cao có thể mang tới sự sụt giảm lớn về giá thành vận hành kinh doanh và bảo trì trong tương lai, từ đó đem tới sự giảm sút về giá thành của công trình xây dựng trong toàn bộ

chu kỳ sinh mệnh. Ví dụ, Cơ quan Veterans Affairs (viết tắt VA) của Mỹ phụ trách 172 trung tâm y tế toàn quốc, vận hành kinh doanh và bảo trì 2000 công trình kiến trúc, cơ cấu VA sử dụng chu kỳ phân tích 40 năm và 5% tỷ lệ chiết khấu tiến hành phân tích giá thành chu kỳ sinh mệnh, phát hiện chi phí vận hành kinh doanh và bảo trì gấp 7,7 lần chi phí xây dựng. Do vậy, nhất thiết phải tiến hành cải cách mô hình quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình truyền thống của Trung Quốc, bắt đầu từ giai đoạn quyết sách, kết hợp xem xét đồng thời chi phí xây dựng và giá thành vận hành kinh doanh và bảo trì trong tương lai để đạt được sự cân bằng tốt nhất giữa hai đối tượng này.

2. Quản lý chi phí toàn chu kỳ vòng đời công trình

Quản lý chi phí toàn chu kỳ vòng đời công trình tức là xuất phát từ toàn bộ chu kỳ vòng đời hạng mục công trình (bao gồm các giai đoạn trước xây dựng, giai đoạn xây dựng, giai đoạn sử dụng và giai đoạn cải tạo, dỡ bỏ...) tiến hành xét tính các vấn đề về chi phí và giá thành, vận dụng nhiều kiến thức khoa học, sử dụng phương pháp tổ hợp tổng hợp, coi trọng phân tích, đánh giá giá thành và hiệu quả đầu tư, vận dụng phương pháp mô hình công trình kinh tế học, số học, nhấn mạnh một loại lý luận và phương pháp quản lý đối với tổng chi phí nhỏ nhất trong các giai đoạn trước xây dựng, giai đoạn xây dựng, giai đoạn sử dụng và bảo trì... của hạng mục công trình.

2.1. Sự phát triển của công tác quản lý chi phí toàn chu kỳ vòng đời công trình

Cuối những năm 70 và đầu những năm 80 của thế kỷ 20, một số học giả về chi phí công trình của Anh, Mỹ và những người làm công tác thực tế đã đưa giai đoạn sử dụng, bảo trì sau khi hoàn công dự án xây dựng vào trong phạm vi quản lý chi phí công trình xây dựng, đưa ra những lý luận về quản lý chi phí toàn chu kỳ vòng đời công trình với mục tiêu thực hiện toàn bộ chu kỳ sinh mệnh với chi phí thấp nhất. Sau

này, dưới sự tổ chức trực tiếp và sự thúc đẩy mạnh mẽ của Hiệp hội Đo lường Hoàng gia Anh, đã tiến hành nghiên cứu và phát triển rộng rãi những lý luận này. Phát triển cho tới ngày nay, dần dần đã hình thành nên một hệ thống lý luận và phương pháp quản lý chi phí công trình thời kỳ hiện đại hoá tương đối hoàn chỉnh.

2.2. Mô hình quản lý chi phí toàn chu kỳ sinh mệnh công trình và tình hình ứng dụng của nó

Tư tưởng cốt lõi trong quản lý chi phí toàn chu kỳ sinh mệnh công trình xây dựng là tiến hành xem xét một cách tổng hợp giá thành thời kỳ xây dựng công trình và giá thành thời kỳ vận hành và kinh doanh công trình, thông qua thiết kế và kế hoạch khoa học, nỗ lực tìm cách làm cho giá thành toàn chu kỳ sinh mệnh của công trình là nhỏ nhất, nỗ lực tranh thủ thực hiện tối đa hoá giá trị công trình, tức là với giá thành toàn chu kỳ sinh mệnh tương đối nhỏ tiến hành hoàn thành xây dựng, vận hành và kinh doanh công trình.

Việc quản lý chi phí toàn chu kỳ sinh mệnh công trình thường dùng cho công tác quản lý chi phí mang tính khả thi của công trình xây dựng và trong giai đoạn thiết kế công trình xây dựng, tức là phương pháp quản lý này chủ yếu là một loại phương pháp chỉ đạo quyết sách đầu tư công trình xây dựng, bố trí thiết kế và kế hoạch xây dựng, tính ứng dụng của nó tồn tại tính chất bó hẹp nhất định. Đương nhiên, mô hình này là một phương pháp quyết sách đầu tư và thiết kế xây dựng tương đối khoa học, cho nên mô hình này hiện đã có được sự ứng dụng rộng rãi trong công tác quản lý chi phí công trình xây dựng tại các nước.

2.3. Việc ứng dụng công tác quản lý chi phí toàn chu kỳ sinh mệnh công trình

Khi bắt đầu xây dựng nhà hát Sydney, đã từng vì nguyên nhân về thiết kế và chi phí mà dừng lại công trình, từ khi bắt đầu thiết kế vào năm 1957, trải qua 17 năm mới xây dựng xong, chi phí thực tế lên tới 120 triệu USD. Khi bắt đầu

xây dựng, dự toán kinh phí xây dựng của dự án là 3,5 triệu Bảng, khi hoàn thành đã tiêu tốn 50 triệu Bảng, gấp 14 lần so với dự toán thiết kế. Sau khi công trình đi vào sử dụng lập tức có được rất nhiều đánh giá cao, trở thành điểm đến của các du khách, các nhà nghệ thuật ở khắp nơi trên thế giới, hàng năm có rất nhiều người đã tổ chức các loại hoạt động tại đây, số người đến tham quan nhiều vô kể. Điều bất ngờ hơn nữa, năm 1973 công trình được đưa vào sử dụng và sau 2 năm gần như đã thu hồi lại vốn đầu tư, việc trang trí trong nội bộ công trình là không tiến hành trát vữa, duy trì màu sắc tự nhiên của cấu kiện bê tông chế sẵn, giảm bớt rất nhiều chi phí bảo trì. Từ năm 1975 tới nay, nhà hát Sydney đã giúp cho Chính phủ Australia kiếm được rất nhiều tiền! tương lai còn tiếp tục kiếm được nhiều tiền hơn nữa. Xét theo phương diện kiểm soát chi phí toàn chu kỳ vòng đời công trình mà nói thì việc kiểm soát xây dựng và chi phí công trình nhà hát Sydney là rất thành công.

3. Quản lý chi phí toàn diện

3.1. Sự phát triển trong quản lý chi phí toàn diện

Tư tưởng quản lý chi phí toàn diện là do ông R.E. Westney đưa ra trong luận văn “Xu thế phát triển quản lý dự án những năm 90” tại Hội thảo mùa xuân được tổ chức ở Seattle vào tháng 5/1991. Năm 1992, để thúc đẩy sự phát triển tự thân và sự tiến bộ trong lý luận và thực tiễn quản lý chi phí công trình, Hiệp hội kỹ sư chi phí công trình của Mỹ đổi tên thành “Hội xúc tiến quản lý chi phí toàn diện công trình quốc tế”, về phương diện lý luận và phương pháp quản lý toàn diện chi phí đã triển khai hàng loạt nghiên cứu và thảo luận, hình thành nên khung lý luận quản lý toàn diện chi phí công trình.

Quản lý toàn diện chi phí công trình là một loại mô hình quản lý chi phí mới, nó là lý luận và phương pháp tiên tiến khi phân tích và xác định, quản lý và kiểm soát chi phí công trình, không chỉ bao hàm những tư tưởng và phương pháp của toàn bộ quá trình, toàn bộ chu kỳ sinh

mệnh quản lý chi phí, đồng thời cũng chứa đựng các nội hàm bản chất toàn bộ yếu tố và các đoàn đội quản lý chi phí công trình, khiến cho hệ thống lý luận về quản lý chi phí công trình trở nên thống nhất.

3.2. Mô hình quản lý chi phí công trình toàn diện và tình hình ứng dụng của nó

Tư tưởng cốt lõi trong quản lý toàn diện chi phí công trình xây dựng là trong quản lý chi phí công trình xây dựng không thể chỉ quan tâm đến một phương diện nào đó của quản lý chi phí công trình xây dựng mà nhất thiết phải xem xét toàn diện các vấn đề và quản lý tốt chi phí công trình. Loại quản lý toàn diện này bao gồm 4 phương diện: thứ nhất, tất cả thành viên đội dự án đều phải tham gia quản lý chi phí công trình xây dựng, không giống như việc quản lý chi phí công trình xây dựng truyền thống là duy nhất chủ thể có lợi ích liên quan đến công trình (chủ đầu tư hoặc bên nhận thầu) tham gia quản lý chi phí công trình xây dựng; thứ hai, cần xuất phát từ góc độ quản lý các yếu tố của công trình tiến hành quản lý chi phí công trình, không giống như việc quản lý chi phí công trình xây dựng truyền thống là chỉ xét đến tiết kiệm chi phí theo nghĩa hẹp mà không màng đến các yếu tố khác chịu ảnh hưởng của sự thay đổi chi phí công trình như thời hạn thi công, chất lượng...của công trình; thứ ba, cần quản lý chi phí công trình trong toàn bộ quá trình và toàn chu kỳ sinh mệnh, không giống như việc quản lý chi phí công trình truyền thống chỉ tiến hành quản lý chi phí ở giai đoạn thực thi công trình; thứ tư, tiến hành quản lý toàn bộ chi phí công trình bao gồm cả quản lý chi phí rủi ro của công trình, không giống như việc quản lý chi phí công trình truyền thống chỉ triển khai quản lý chi phí công trình mang tính xác định.

Một điểm căn bản trong mô hình quản lý toàn diện chi phí dự án xây dựng là ở tính toàn diện của nó, tức là trong mô hình này đã bao gồm một số tư tưởng và phương pháp quản lý chi phí trong toàn chu kỳ vòng đời và toàn bộ

quá trình, đồng thời nó còn bao gồm các tư tưởng và phương pháp quản lý chi phí mới về toàn bộ yếu tố, toàn bộ đoàn đội, toàn bộ rủi ro ... trong quản lý chi phí. Nói một cách xác đáng, trên thực tế mô hình này là tổng hợp toàn diện tư tưởng và phương pháp quản lý chi phí công trình hiện có, là một loại tư tưởng và phương pháp khi triển khai quản lý tổng hợp toàn diện chi phí công trình xây dựng. Đương nhiên, mô hình này cũng tồn tại một số vấn đề cụ thể, xét theo tình hình thực tế hiện tại, chủ yếu là việc nghiên cứu phương pháp luận và phương pháp kỹ thuật cụ thể đối với việc quản lý toàn diện chi phí công trình còn hết sức thiếu sót. Tuy Hội Xúc tiến quản lý toàn diện chi phí dự án quốc tế đã đưa ra hai phương pháp quản lý quá trình tuần hoàn PDCA là quản lý chiến lược tài sản và quản lý quá trình dự án, nhưng trên thực tế đó chỉ là một loại phương pháp quản lý bình thường, tuy nó có thể đóng vai trò là một loại tư tưởng chỉ đạo về quản lý toàn diện chi phí hạng mục công trình, nhưng lại không thể trực tiếp dùng để xác định và kiểm soát chi phí hạng mục công trình. Vì vậy mô hình này về mặt ứng dụng cụ thể hiện tại tồn tại tính bó hẹp và một số vấn đề nhất định.

4. Kết luận

Quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng

công trình chủ yếu là triển khai quản lý các phương diện xác định, kiểm soát ... đối với chi phí của toàn bộ quá trình thực hiện công trình xây dựng, không xét đến vấn đề đi sâu quản lý về phương diện giá thành vận hành, kinh doanh, bảo trì trong thời kỳ vận hành và kinh doanh công trình xây dựng; quản lý chi phí toàn chu kỳ sinh mệnh công trình là xuất phát từ toàn bộ chu kỳ sinh mệnh công trình, xem xét một cách toàn diện việc tối đa hóa toàn bộ các chi phí các thời kỳ: thời kỳ xây dựng, thời kỳ sử dụng, thời kỳ đổi mới và loại bỏ... công trình xây dựng; quản lý toàn diện chi phí công trình là quản lý chi phí thống nhất toàn quá trình, toàn chu kỳ vòng đời, toàn bộ yếu tố, toàn bộ rủi ro, toàn bộ đoàn đội, là công tác quản lý chi phí công trình hướng tới thế kỷ mới. Vì vậy, công tác quản lý chi phí công trình xây dựng trong tương lai của Trung Quốc nên cải tiến mô hình quản lý chi phí toàn bộ quá trình xây dựng công trình hiện có, tiếp thu những ưu thế trong quản lý chi phí toàn chu kỳ vòng đời và quản lý chi phí toàn diện, xây dựng một mô hình quản lý chi phí công trình có hiệu quả và mang bản sắc Trung Quốc.

Quách Hồng Anh, Dương Kim Nghị

*Nguồn: T/C Xây dựng và Kiến trúc,
số 16 /2010*

ND: Kim Nhạn

HỘI NGHỊ TẬP HUẤN THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT - BTNMT QUY ĐỊNH VIỆC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2011



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn phát biểu tại Hội nghị



Các đại biểu tham dự Hội nghị